

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

②

C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401626)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 32

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121110281	Đào Huy	Bắc	18/11/2003	CCQ211H		0,0			
2	2122200147	Thăng Văn	Công	20/01/2003	CCQ2220E	Công	8,2	3,4	5,3	
3	2122200148	Vũ Thị Thanh	Đào	19/08/2004	CCQ2220E	Thanh	7,9	4,3	5,7	
4	2122100222	Nguyễn Minh	Đạt	14/12/2004	CCQ2210G	Đạt	6,1	5,7	5,9	
5	2122210021	Võ Ngọc	Diệp	15/07/2004	CCQ2221A	Diệp	7,4	4,0	5,4	
6	2122180116	Trần Đức	Dũng	09/09/2003	CCQ2218D	Trần Đức	9,0	7,1	7,9	
7	2122180103	Huỳnh Hậu	Hữu	09/01/2004	CCQ2218D	Huỳnh	8,2	4,4	5,9	
8	2122030045	Nguyễn Vĩnh	Khang	28/08/2004	CCQ2203B	Khang	7,7	6,8	7,2	
9	2121140015	Phạm Minh	Khôi	05/11/2003	CCQ2114A		3,5			
10	2123170383	Trịnh Minh	Khôi	10/04/2005	CCQ2317K	Khôi	8,0	8,5	8,3	
11	2123170575	Huỳnh Văn	Kiệt	06/10/2005	CCQ2317Q	Kiệt	7,6	4,0	5,4	
12	2120200225	Nguyễn Phước	Lộc	12/11/2000	CCQ2020G	Phước	7,3	3,6	5,1	
13	2122100225	Nguyễn Văn	Lợi	09/09/2004	CCQ2210G	Nguyễn Văn	6,8	5,7	6,1	
14	2122100199	Nguyễn Thục Vân	Long	09/11/2004	CCQ2210F		2,5			
15	2122210199	Phan Ái	Luân	01/09/2004	CCQ2221C	Phan Ái	6,8	7,6	7,3	
16	2123120407	Nguyễn Phương Huyền	My	01/04/2000	CCQ2331B		8,2			
17	2122170066	Nguyễn Hoài	Nam	19/09/2004	CCQ2217B		1,9			
18	2122110281	Nguyễn Phương	Nam	12/08/2003	CCQ2211H	Nguyễn Phương	7,7	9,3	8,7	
19	2122170397	Võ Thành	Nhân	22/06/2004	CCQ2217J	Võ Thành	6,6	5,3	5,8	
20	2122190134	Lê Thị Thùy	Như	25/09/2004	CCQ2219B	Lê Thị Thùy	8,3	9,3	8,9	
21	2122170334	Chu Minh	Phong	05/10/2004	CCQ2217I		2,1			
22	2122050069	Huỳnh Ngọc	Phúc	10/12/2003	CCQ2205B		4,0			
23	2122110353	Nguyễn Thị Xuân	Phương	19/01/2004	CCQ2220G	Phương	7,0	3,6	5,0	
24	2122180079	Đàng Lưu	Sữa	22/02/2001	CCQ2218C	Đàng Lưu	7,9	7,0	7,4	
25	2122170246	Hứa Minh	Thái	30/01/2003	CCQ2217G	Thái	6,9	4,3	5,3	
26	2122260018	Huỳnh Văn	Thị	11/10/2004	CCQ2226A	Huỳnh Văn	8,3	3,6	5,5	
27	2122180131	Bùi Lê Hương	Thiện	31/01/2004	CCQ2218D	Bùi Lê Hương	8,3	6,0	6,9	
28	2122130103	Đặng Thị Kim	Thư	10/09/2004	CCQ2213D	Đặng Thị Kim	8,8	7,0	7,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Cán bộ coi thi 1
C. Lê Thảo P.
P.T. Th

Cán bộ coi thi 2
C. Lê Thảo P.
P.T. Th

Môn học: Anh văn 3 (22401626)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Thư	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122120225	Nguyễn Thị Minh	Thư	28/06/2004	CCQ2212G		Thư	6,4	1,3	3,3	-
30	2122180091	Trương Quốc	Tiến	08/10/2004	CCQ2218C		Tiến	7,6	3,5	5,1	
31	2122170293	Trần Trung	Tín	28/06/2004	CCQ2217H		Tín	7,2	4,7	5,7	
32	2122180124	Nguyễn Thái	Toàn	09/02/2004	CCQ2218D		Toàn	7,3	3,4	5,0	
33	2122180114	Lê Minh	Trí	19/08/2004	CCQ2218D		Trí	7,5	3,4	5,0	
34	2123100025	Nguyễn Thảo	Trinh	21/04/2005	CCQ2310A		Trinh	8,3	6,4	7,2	
35	2121110255	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	18/07/2003	CCQ2111H		Tuấn	9,2	8,2	8,6	
36	2121140007	Đỗ Tiến	Vĩ	03/06/2003	CCQ2114A			3,6	-	-	
37	2122110258	Huỳnh Đức	Việt	12/07/2004	CCQ2211G		Việt	6,9	5,2	5,9	
38	2122170341	Võ Tấn	Vinh	26/02/2004	CCQ2217I			0,0			
39	2122170488	Phạm Đình	Vinh	12/10/2004	CCQ2217M			1,3			
40	2122170396	Trần Minh	Vương	22/08/2004	CCQ2217J		Vương	6,1	5,4	5,7	
41	2122260044	Võ Quốc	Vương	05/08/2004	CCQ2226B		Vương	7,8	4,1	5,6	

42/2122120225 là Thị Tuyết Nhung

Thị 6,5 00 2,6 -

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 36
H: 04

C. Suồng

4

Cán bộ coi thi 1
N.T.T. Hoa

Cán bộ coi thi 2
N.N. Châu

G.Viên chấm thi 1
N.T.T. Hoa

G.Viên chấm thi 2
N.N. Châu

Môn học: Anh văn 3 (22401636)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 40

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123290018	Nguyễn Thị Kim	Chi	08/04/2005	CCQ2329A	Chi	7,2	7,1	7,1	
2	2121170287	Nguyễn Đức	Chinh	25/05/2003	CCQ2117I		1,7		0,7	
3	2123200245	Bùi Thị Phương Hồng	Chung	26/10/2005	CCQ2320C	Chung	8,4	7,8	8,0	
4	2123200337	Bùi Bảo	Đa	28/11/2005	CCQ2320D		3,6		1,4	
5	2121180056	Cao Nhất	Danh	28/06/2003	CCQ2118B	Paul	6,2	8,0	7,3	
6	2123200244	Huỳnh Tấn	Đạt	28/02/2005	CCQ2320C	Đạt	7,4	3,9	5,3	
7	2122050142	Đương Văn	Đũng	15/12/2001	CCQ2205C		0,0	CT	00	
8	2123200248	Phạm Thị Hà	Giang	05/04/2005	CCQ2320C	Giang	7,1	7,5	7,3	
9	2123200301	Võ Thị Lệ	Giang	15/06/2005	CCQ2320C	Giang	6,5	7,0	6,8	
10	2123200366	Đỗ Gia	Hân	27/05/2005	CCQ2320D	ghar	8,7	9,6	9,2	
11	2122030197	Nguyễn Anh	Hào	05/06/2004	CCQ2203F	Hào	6,2	7,4	6,9	
12	2123200239	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	31/01/2004	CCQ2320C	hiền	7,6	7,2	7,4	
13	2123200346	Huỳnh Thị Minh	Hòa	01/03/2005	CCQ2320D	hòa	5,4	4,3	4,7	
14	2123200305	Hà Thu	Hoài	05/04/2005	CCQ2320C	tu	9,0	7,1	7,9	
15	2123200238	Võ Thị Mỹ	Lệ	04/01/2005	CCQ2320C	Lệ	6,0	7,4	6,8	
16	2123200242	Hồ Thị Cẩm	Loan	13/10/2005	CCQ2320C	Loan	8,6	8,8	8,7	
17	2123200285	Lê Đức	Lợi	20/06/2002	CCQ2320C	Lợi	6,5	7,6	7,2	
18	2123200216	Trần Thị Tuyết	Mai	03/04/2005	CCQ2320C	Mai	7,5	8,2	7,9	
19	2123200313	Nguyễn Thị	Nga	27/01/2005	CCQ2320D		0,0	CT	00	
20	2123200268	Phan Nguyễn Thảo	Nguyễn	21/11/2004	CCQ2320C	Nguyễn	6,1	8,1	7,3	
21	2123200372	Ngô Thị Ánh	Nguyễn	01/08/2005	CCQ2320D	Nguyễn	7,0	8,3	7,8	
22	2123290014	Đỗ Thị Nguyệt	Nhi	19/10/2005	CCQ2329A	Nhi	8,3	8,7	8,5	
23	2123200243	Nguyễn Thị Yến	Nhi	13/10/2005	CCQ2320C	Nhi	9,0	9,0	9,0	
24	2123200258	Bùi Yến	Như	24/09/2002	CCQ2320C	Như	9,4	9,5	9,5	
25	2123200267	Hà Thị Mỹ	Như	07/01/2005	CCQ2320C	Như	5,1	5,8	5,5	
26	2123200336	Phan Thị Ánh	Như	27/02/2005	CCQ2320D		0,0	CT	00	
27	2123200377	Trương Nhật Mỹ	Nhung	20/08/1999	CCQ2320D	Nhung	6,6	7,7	7,3	
28	2123200330	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	05/10/2005	CCQ2320D	Oanh	6,5	4,0	5,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Sướng

Cán bộ coi thi 1
Nguyễn T. Hòa

Cán bộ coi thi 2
Nguyễn N. Châu

G. Viên chấm thi 1
Nguyễn T. Hòa

G. Viên chấm thi 2
Nguyễn N. Châu

Môn học: Anh văn 3 (22401636)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 40

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123270081	Phạm Ngọc Phảng	31/07/2005	CCQ2327C		Ph	4,4	7,3	6,1	
30	2123200516	Nguyễn Thị Mỹ Phong	26/01/2005	CCQ2320D		MyP	7,8	6,5	7,0	
31	2123290017	Trần Mai Bảo	30/01/2005	CCQ2329A		Quy	9,5	9,4	9,4	
32	2123200670	Trần Như Quỳnh	02/11/2005	CCQ2320G		Quynh	7,8	6,9	7,3	
33	2121180037	Đặng Thanh Sơn	06/02/2003	CCQ2118B		Son	5,7	8,0	7,1	
34	2123200350	Nguyễn Quốc Thắng	27/09/2005	CCQ2320D		Ton	4,8	7,1	6,2	
35	2123200365	Trần Thị Thanh Thương	29/06/2005	CCQ2320D		Thuong	5,0	6,0	5,6	
36	2123200356	Dương Thị Cẩm Tiên	16/11/2005	CCQ2320D		Tien	8,1	7,6	7,8	
37	2123290009	Nguyễn Thị Huyền Trâm	15/04/2005	CCQ2329A		Tram	5,9	6,6	6,3	
38	2123200381	Đặng Lê Ngọc Trí	16/05/2005	CCQ2320D		Tr	3,2	0,0	1,3	
39	2122120529	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	30/09/2004	CCQ2227E		Trinh	4,6	7,6	6,4	
40	2123200625	Phan Thị Hồng Tuyển	17/10/2005	CCQ2320G		PhuTuyen	8,4	8,7	8,6	
41	2123200325	Mai Thị Út	11/11/2005	CCQ2320D		U	5,8	3,0	4,1	
42	2123200385	Lê Văn Việt	06/10/2003	CCQ2320D		Vu	5,8	6,8	6,4	
43	2122170290	Lê Quang Vinh	21/12/2004	CCQ2217H			3,7		1,5	
44	2123200241	Nguyễn Quang Vinh	13/07/2005	CCQ2320C		Vinh	4,0	1,0	2,2	
45	2123200375	Bùi Thị Tường Vy	22/12/2005	CCQ2320D		Vy	7,7	9,0	8,5	
46	2123200622	Nguyễn Thị Bích Vy	29/05/2005	CCQ2320G		BichVy	9,2	8,6	8,8	

5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Kim Thảo

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401635)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 46..

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122110313	Nguyễn Đình Bảo	28/12/2004	CCQ2211H			7,6	7,5	7.5	
2	2123200049	Nguyễn Trí Bảo	22/04/2005	CCQ2320A			8,0	3,1	5.1	
3	2122110282	Lê Thành Chiến	15/05/2004	CCQ2211H			7,8	6,4	7.0	
4	2123200142	Nguyễn Thị Chung	19/03/2004	CCQ2320B			9,4	8,7	9.0	
5	2123200032	Dương Thị Cẩm Đào	27/11/2005	CCQ2320A			8,9	8,2	8.5	
6	2123200125	Nguyễn Thị Định	22/12/2005	CCQ2320B			9,2	7,9	8.4	
7	2122200105	Trần Quang Dũng	20/07/2004	CCQ2220D			9,1	8,1	8.5	
8	2123200128	Nguyễn Thị Cẩm Giàu	15/04/2005	CCQ2320B			9,4	8,7	9.0	
9	2123200184	Thái Nhật Hà	25/03/2000	CCQ2320B			9,6	9,5	9.5	
10	2123110292	Cao Thanh Hậu	07/10/2005	CCQ2311I			8,7	7,9	8.2	
11	2123200052	Huỳnh Thế Hiền	21/04/2003	CCQ2320A			8,3	4,0	5.7	
12	2122120121	Hồ Thị Diễm Hương	21/07/2004	CCQ2212D			6,5	2,1	3.9	
13	2123200118	Phan Trần Thu Hương	05/08/2005	CCQ2320B			8,7	7,0	7.7	
14	2122170656	Phan Minh Kiệt	20/08/2004	CCQ2217Q			8,3	6,0	6.9	
15	2121100024	Đinh Bảo Kỳ	13/12/2003	CCQ2110A			7,5	5,0	6.0	
16	2123200135	Đặng Thị Lam	03/02/2005	CCQ2320B			9,2	8,0	8.5	
17	2123200079	Lê Thị Thanh Lam	06/04/2005	CCQ2320A			8,6	3,7	5.7	
18	2123110003	Nguyễn Thành Long	13/02/2003	CCQ2311A			8,8	7,9	8.3	
19	2123200007	Nguyễn Vũ Luân	06/02/2004	CCQ2320A			7,5	5,2	6.1	
20	2122030142	Lê Công Lý	16/07/2004	CCQ2203E			7,5	3,1	4.9	
21	2122110088	Trần Thị Nga	14/06/2003	CCQ2212N			7,4	3,5	5.1	
22	2123200146	Huỳnh Phương Ngân	16/05/2005	CCQ2320B			9,1	5,6	7.0	
23	2123200154	Phạm Thị Ngân	03/08/2005	CCQ2320B			9,0	6,3	7.4	
24	2123200527	Võ Thanh Nguy	28/10/2005	CCQ2320B			7,7	5,3	6.3	
25	2122110318	Nguyễn Nhật Nguyên	25/09/2004	CCQ2211H			8,4	7,7	8.0	
26	2123200158	Diệp Thị Yến Nhã	30/09/2004	CCQ2320B			9,7	7,6	8.4	
27	2122170721	Nguyễn Huy Nhật	17/09/2004	CCQ2217R			8,1	7,3	7.6	
28	2123200102	Trần Thị Yến Nhi	01/06/2005	CCQ2320A			8,7	4,1	5.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

C. Kim Thảo

Môn học: Anh văn 3 (22401635)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 46..

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Ng T.P.Linh

Ng T.P.Linh

Ng T.P.Linh

Ng T.P.Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123200175	Vũ Thị Quỳnh	Như	16/02/2003	CCQ2320B		9,3	4,0	6.1	
30	2122110451	Lê Hồ Xuân	Phương	14/08/2004	CCQ2222A		7,0	0,9	3.3	
31	2123200611	Lê Thị	Quế	01/01/2005	CCQ2320A		8,7	5,3	6.7	
32	2122220012	Lê Phát	Tài	28/02/2004	CCQ2222A		6,9	5,2	5.9	
33	2123200081	Nguyễn Bá	Tài	14/09/2004	CCQ2320A		9,3	8,6	8.9	
34	2122170706	Võ Trọng	Tấn	19/05/2004	CCQ2217R		9,1	8,1	8.5	
35	2122130077	Bùi Thị Phương	Thanh	03/10/2004	CCQ2213C		8,2	7,2	7.6	
36	2122200096	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	09/10/2004	CCQ2220C		8,8	3,9	5.9	
37	2123200112	Lâm Thuý	Tiên	24/12/2005	CCQ2320A		9,2	6,2	7.4	
38	2123200169	Phạm Thị Ngọc	Trân	19/02/2005	CCQ2320B		9,2	7,7	8.3	
39	2123200053	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/06/2005	CCQ2320A		8,9	5,3	6.7	
40	2123200064	Trần Phương	Trang	13/07/2003	CCQ2320A		8,9	6,7	7.6	
41	2122200123	Chu Văn	Triều	09/11/2004	CCQ2220D		8,2	6,7	7.3	
42	2123200114	Nguyễn Hoài Ngọc	Tú	04/12/2005	CCQ2320A		7,4	2,8	4.6	
43	2123110310	Tôn Quốc	Tuấn	11/11/2005	CCQ2311I		9,1	7,9	8.4	
44	2122110463	Lương Đức Thế	Vũ	25/04/2004	CCQ2211K		7,4	4,5	3.9	
45	2122110026	Phạm Anh	Vũ	19/09/2004	CCQ2206A		6,4	4,3	5.1	
46	2123200578	Lê Trần Hạ	Vy	08/06/2005	CCQ2320A		9,4	7,2	8.1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 40
H: 02

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401638)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 42

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

C.Hoà

Tân Thị Hương

N.Thaslow

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123270063	Đặng Thị Ngọc	Ánh	13/06/2005	CCQ2327B		8,7	7,8	8.2	
2	2123270165	Vũ Đình	Chương	06/09/2005	CCQ2327E		8,3	5,7	6.7	
3	2123270157	Lê Thị Thanh	Diệu	11/08/2005	CCQ2327E		8,8	6,6	7.5	
4	2122190034	Trần Văn	Điều	10/04/2004	CCQ2219A		9,4	8,4	8.8	
5	2123270041	Trần Thị Thuý	Dương	19/10/2005	CCQ2327B		7,4	8,4	8.0	
6	2123270020	Hà Thị Da	Hân	09/10/2005	CCQ2327A		6,8	2,8	4.4	
7	2123270169	Lương Khắc	Hân	10/10/2004	CCQ2327E		3,8			
8	2123270149	Cao Thị Thúy	Hằng	27/12/2004	CCQ2327E		7,2	7,5	7.4	
9	2123270026	Trịnh Minh	Hiếu	08/11/2005	CCQ2327A		7,2	6,0	6.5	
10	2123270057	Hồ Xuân	Hoa	12/09/2005	CCQ2327B		0,0			
11	2123270173	Nguyễn Thị Mỹ	Hoài	03/08/2005	CCQ2327E		7,7	5,0	6.1	
12	2123270170	Hồ Thị Lan	Hương	22/05/2005	CCQ2327E		8,8	8,0	8.3	
13	2121170218	Hà Quốc	Huy	09/05/2003	CCQ2117G		0,0			
14	2123270009	Trần Dương	Khang	16/09/2005	CCQ2327A		7,2	3,7	5.1	
15	2123270025	Nguyễn Thành	Long	15/09/2005	CCQ2327A		8,8	7,0	7.7	
16	2122110015	Lê Hà Minh	Mẫn	10/12/2004	CCQ2227D		7,0	4,7	5.6	
17	2123270037	Nguyễn Văn	Minh	23/02/2003	CCQ2327B		0,0			
18	2122170433	Hà Duy	Nam	03/04/2004	CCQ2217K		8,0	5,8	6.7	
19	2123270042	Cao Thị	Nga	08/03/2005	CCQ2327B		6,8	5,0	5.7	
20	2123270153	Lê Thị Thanh	Ngân	14/05/2005	CCQ2327E		7,5	7,4	7.4	
21	2123270008	Võ Thị Thanh	Ngân	30/03/2005	CCQ2327A		5,5	4,7	5.0	
22	2122170446	Nguyễn Bá	Nghiệp	08/04/2004	CCQ2217L		5,5	5,3	5.4	
23	2123270161	Bùi Thị Hồng	Nguyên	21/11/2005	CCQ2327E		8,0	6,0	6.8	
24	2123270006	Nguyễn Hoàng Bảo	Nguyên	10/05/2005	CCQ2327A		8,0	4,3	5.8	
25	2122130005	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	17/12/2004	CCQ2213A		8,1	6,7	7.3	
26	2123270046	Trần Thị Tuyết	Nhân	02/03/2005	CCQ2327B		8,3	6,6	7.3	
27	2123270062	Trần Thị Yến	Nhi	20/02/2005	CCQ2327B		7,5	8,0	7.8	
28	2123270069	Trần Hoàng	Phương	12/11/2004	CCQ2327B		5,6	5,7	5.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

6

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401638)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 42

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122170463	Phạm Ngọc Tâm	17/03/2003	CCQ2217L		<i>Tâm</i>	9,2	7,7	8,3	
30	2122100130	Thái Thị Huyền	30/10/2004	CCQ2210D		<i>Huyền</i>	8,4	7,1	7,6	
31	2123270168	Nguyễn Nhật Thiên	16/10/2005	CCQ2327E		<i>Thiên</i>	9,7	8,5	9,0	
32	2122190016	Nguyễn Thị Lệ	14/03/2004	CCQ2219A		<i>Lệ</i>	9,5	8,5	8,9	
33	2123270054	Nguyễn Thanh Thảo	28/06/2004	CCQ2327B		<i>Thảo</i>	9,5	7,2	8,1	
34	2123270051	Nguyễn Thị Thanh Thảo	27/10/2005	CCQ2327B		<i>Thảo</i>	8,9	5,3	6,7	
35	2123270160	Thượng Thị Hồng	12/05/2005	CCQ2327E		<i>Hồng</i>	6,4	4,8	5,4	
36	2123270158	Nguyễn Minh Thư	20/09/2005	CCQ2327E		<i>Thư</i>	7,4	3,4	5,0	
37	2123270035	Nguyễn Thị Thuý	26/10/2005	CCQ2327A		<i>Thuý</i>	8,0	6,9	7,3	
38	2123270039	Nguyễn Thị Ngọc	12/11/2005	CCQ2327B		<i>Ngọc</i>	7,3	6,5	6,8	
39	2123270023	Lê Thị Thuý	20/06/2005	CCQ2327A		<i>Thuý</i>	8,7	4,6	6,2	
40	2123270012	Bùi Thị Huỳnh	17/08/2005	CCQ2327A		<i>Huỳnh</i>	5,8	2,8	4,0	
41	2123270094	Lê Thùy Huyền	22/06/2005	CCQ2327C		<i>Huyền</i>	8,3	5,4	6,6	
42	2123270058	Nguyễn Thị Ngọc	03/05/2005	CCQ2327B		<i>Ngọc</i>	7,4	4,6	5,7	
43	2122180011	Nguyễn Trọng	02/09/2004	CCQ2227D			0,0			
44	2123270055	Hoàng Thái	21/03/2005	CCQ2327B		<i>Thái</i>	7,9	7,5	7,7	
45	2123270131	Dương Văn	15/09/2005	CCQ2327D		<i>Văn</i>	7,2	5,0	5,9	
46	2123270021	Hồ Thảo Vy	17/03/2005	CCQ2327A		<i>Vy</i>	8,9	5,9	7,1	
47	2123270033	Nguyễn Yến Vy	29/04/2005	CCQ2327A		<i>Vy</i>	9,2	4,8	6,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 30
H: 8

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

C.Loan

Môn học: Anh văn 3 (22401614)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122170540	Nguyễn Đức Bảo	16/06/2004	CCQ2217N	2		0,2			
2	2122110260	Thái Thành Đạt	19/01/2004	CCQ2211G			0,0			
3	2122170082	Nguyễn Tấn Dũng	12/08/2004	CCQ2217B			6,6	4,2	5,2	
4	2122050040	Vũ Văn Hùng	23/09/2003	CCQ2205B			6,1	2,5	3,9	#
5	2122040009	Võ Xuân Dương	23/06/2004	CCQ2204A			3,5			
6	2122170641	Trần Quang Duy	12/06/2004	CCQ2217P			7,1	4,1	5,3	
7	2122100371	Trương Thị Mỹ Duyên	04/09/2004	CCQ2210J			5,0	1,5	2,9	#
8	2122120458	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	17/05/2004	CCQ2212N			5,7			
9	2122170233	Dương Nhật Hào	05/10/2004	CCQ2217F			7,3	5,5	6,2	
10	2122120310	Đào Thị Minh Hiếu	23/11/2004	CCQ2212J			7,2	6,0	6,5	
11	2122150021	Hoàng Văn Huân	06/06/2004	CCQ2215A			8,1	6,2	7,0	
12	2122170120	Lê Chí Hùng	12/07/2004	CCQ2217C			9,6	7,2	8,2	
13	2122150032	Vì Tuấn Hùng	21/03/2004	CCQ2215A			8,4	8,8	8,6	
14	2122110027	Bùi Trung Hưng	30/04/2004	CCQ2222A			8,0	8,0	8,0	
15	2122150018	Đinh Văn Huy	27/02/2004	CCQ2215A			8,3	7,5	7,8	
16	2122170634	Huỳnh Nhật Huy	14/02/2004	CCQ2217P			7,4	6,0	6,6	
17	2122110300	Nguyễn Thanh Huy	07/09/2004	CCQ2222A			7,4	6,0	6,6	
18	2122170462	Nguyễn Hồ Minh Khang	12/01/2004	CCQ2217L			5,7	3,0	4,1	#
19	2122170415	Trần Gia Khang	28/07/2004	CCQ2217K			7,6	3,5	5,1	
20	2122150020	Trần Minh Khôi	30/07/2001	CCQ2215A			6,0	4,8	5,3	
21	2122040036	Trần Quốc Lâm	03/01/2003	CCQ2204B			3,2			
22	2122050071	Nguyễn Công Lập	02/09/2004	CCQ2205C			7,2	6,0	6,5	
23	2122100357	Trương Thị Ngọc Mỹ	03/10/2004	CCQ2210J			5,0	2,8	3,7	#
24	2122120457	Trần Nguyễn Trúc Ngân	21/04/2004	CCQ2212N			6,2	4,5	5,2	
25	2122170539	Kiều Tấn Nghi	21/02/2004	CCQ2217N			0,2			
26	2122050099	Trương Công Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C			4,5	3,0	3,6	#
27	2122170182	Trần Kim Phi	26/07/2004	CCQ2217E			6,6	8,5	7,7	
28	2122170802	Hồ Ngọc Quảng	02/05/2004	CCQ2217K			6,9	5,7	6,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401614)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 37

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Quốc	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122150017	Trần Khánh	Quốc	27/10/2004	CCQ2215B		Quốc	7,9	7,5	7,7	
30	2122170570	Vũ Mạnh	Quyền	13/01/2004	CCQ2217O		Quy	7,7	8,4	8,1	
31	2122170022	Phạm Văn	Tài	04/04/2004	CCQ2227B			0,0			
32	2122170181	Phạm Minh	Thành	17/02/2004	CCQ2217E		Thư	5,4	5,5	5,5	
33	2122110068	Trần Ngọc	Ti	25/03/2004	CCQ2222A			7,5	8,0	7,8	
34	2122050081	Trương Lê Ngọc	Tiên	06/11/2003	CCQ2205C			5,9	0	2,4	H
35	2122170405	Ngô Trung	Tín	20/01/2004	CCQ2217K			7,2	5,1	5,9	
36	2122100304	Võ Thùy	Trang	26/07/2004	CCQ2210I		Thu	4,2	6,7	5,7	
37	2122050078	Lê Minh	Trí	07/12/2004	CCQ2205C		Trí	8,2	3,5	5,4	
38	2122270019	Trần Minh	Trí	19/02/2004	CCQ2227A			0,0			
39	2122120111	Dương Đặng	Trọng	22/06/2004	CCQ2212D		Trọng	5,6	6,0	5,8	
40	2122050126	Lê Thành	Trung	29/10/2004	CCQ2205D		RL	6,5	0	2,6	H
41	2122210053	Phan Quỳnh Thủy	Tú	02/03/2004	CCQ2221E		Thủy	6,7	4,4	5,3	
42	2122030132	Trần Văn	Vĩ	24/02/2004	CCQ2203H			7,5	7,5	7,5	
43	2122170592	Lê	Việt	04/11/2004	CCQ2217O		Việt	5,1	6,2	5,8	
44	2122170409	Thông Minh	Vũ	24/03/2004	CCQ2217K		Th	9,8	6,0	7,5	
45	2122110410	Trương Đức	Vũ	15/06/2004	CCQ2211K			3,7			
46	2122120340	Nguyễn Thị Triệu	Vy	11/09/2004	CCQ2212J		Tri	9,7	7,2	8,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 25
H: 12

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Văn* Cán bộ coi thi 2: *Nguyễn Văn* G.Viên chấm thi 1: *C. Hương* G.Viên chấm thi 2: *Nguyễn Văn*

Môn học: Anh văn 3 (22401616)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 37

Số bài thi: 37

Số tờ giấy thi: 37

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122100073	Trương Nhật Vân	An	13/08/2004	CCQ2210C	<i>Van</i>	9,5	8,1	8,7	
2	2122060044	Châu Hoài	Anh	25/05/2004	CCQ2206B	<i>Chau</i>	3,5	5,0	4,4	
3	2122200012	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh	12/08/2004	CCQ2220A	<i>Tram</i>	7,3	4,2	5,4	
4	2122130014	Phạm Ngọc	Anh	31/07/2004	CCQ2213A	<i>Pham</i>	7,9	5,0	6,2	
5	2122270045	Trịnh Thị Kim	Ánh	20/07/2004	CCQ2227B		0,0	CT		
6	2122130095	Nguyễn Thị Thùy	Chung	01/11/2004	CCQ2213C	<i>Thuy</i>	3,6	5,8	4,9	
7	2122170110	Nguyễn Võ Quang	Đặng	03/10/2003	CCQ2217C	<i>Quang</i>	7,8	8,7	8,3	
8	2122210090	Nguyễn Thành	Đạt	18/09/2004	CCQ2221C	<i>Thanh</i>	7,7	7,6	7,6	
9	2122110212	Thái Hồ Tiến	Đạt	06/08/2003	CCQ2222A	<i>Tien</i>	9,1	8,1	8,5	
10	2122060048	Nguyễn Minh	Hải	05/05/2004	CCQ2206B	<i>Hai</i>	3,0	6,3	5,0	
11	2122170555	Nguyễn Văn	Hào	19/03/2004	CCQ2217N	<i>Hao</i>	7,3	1,3	3,7	
12	2122170351	Nguyễn Ngọc	Hoàng	16/04/2004	CCQ2217I	<i>Hung</i>	6,4	00	2,6	
13	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A	<i>Huu</i>	5,1	00	2,0	
14	2122190044	Nguyễn Bích	Hợp	12/11/2004	CCQ2219B	<i>Bich</i>	10,0	9,2	9,5	
15	2122200039	Huỳnh Ngọc	Hung	10/02/2004	CCQ2220B	<i>Hung</i>	7,1	3,1	4,7	
16	2122170296	Phạm Quốc	Hữu	22/10/2004	CCQ2203H	<i>Quoc</i>	6,7	6,1	6,3	
17	2122200242	Trần Minh	Kha	04/02/2003	CCQ2220G	<i>Minh</i>	5,6	2,7	3,9	
18	2122110095	Hoàng Vũ	Khang	16/02/2004	CCQ2211C	<i>Khang</i>	6,1	00	2,4	
19	2122170489	Nguyễn Đình Minh	Khang	16/02/2004	CCQ2217M	<i>Minh</i>	7,9	1,0	3,8	
20	2122200029	Phan Thị Kim	Lài	13/06/2004	CCQ2220A	<i>Kim</i>	5,7	5,5	5,6	
21	2122150044	La Ngọc	Lễ	29/08/2004	CCQ2215C	<i>Ngoc</i>	8,1	7,5	7,7	
22	2122100110	Lê Hồng	Mai	07/12/2004	CCQ2210D	<i>Hong</i>	8,9	8,4	8,6	
23	2122180083	Nguyễn Văn	Minh	21/05/2004	CCQ2218C	<i>Minh</i>	6,1	5,2	5,6	
24	2122170826	Nguyễn Phước Trung	Nhân	09/09/2004	CCQ2217M	<i>Trung</i>	9,5	5,3	7,0	
25	2122200014	Dương Hoài Kim	Nương	29/07/2004	CCQ2220A	<i>Kim</i>	4,4	00	1,8	
26	2122170459	Nguyễn Hoàng	Phát	10/09/2004	CCQ2217L		1,0			
27	2122170327	Đặng Trương	Phong	12/04/2004	CCQ2217I	<i>Phong</i>	6,1	7,7	7,1	
28	2122170340	Nguyễn Phong	Phú	31/08/2004	CCQ2217I	<i>Phu</i>	7,6	8,0	7,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Anh văn 3 (22401616)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122170375	Trần Đăng Quân	27/07/2004	CCQ2217J			2,0			
30	2122270079	Ngô Thanh Quang	14/04/2004	CCQ2227C			6,1	5,8	5,9	
31	2122170377	Nguyễn Huỳnh Ngọc Quý	08/05/2003	CCQ2217J			2,3			
32	2122170385	Bùi Công Sác	19/11/2003	CCQ2217J			2,3			
33	2122110188	Lâm Chí Sương	01/06/2002	CCQ2222A			7,8	8,1	8,0	
34	2122170503	Bùi Tấn Thanh	04/11/2004	CCQ2217M			4,1			
35	2122120409	Nguyễn Thị Bảo Thy	20/01/2004	CCQ2212L			0,0	CT		
36	2122170322	Lê Thành Tiến	23/01/2004	CCQ2217H			5,8	3,5	4,4	
37	2122170380	Nguyễn Thành Tiến	23/10/2003	CCQ2217J			1,0			
38	2122050025	Đặng Minh Trục	07/01/2004	CCQ2205A			6,3	4,7	5,3	
39	2122170376	Nguyễn Đức Trường	27/01/2004	CCQ2217J			4,6			
40	2122030140	Lê Quốc Truyền	27/02/2004	CCQ2203H			1,0			
41	2122170285	Nguyễn Tấn Tường	25/02/2004	CCQ2217H			8,4	6,1	7,0	
42	2122110098	Võ Đại Vĩ	18/04/2004	CCQ2211C			5,8	0,0	2,3	
43	2122260114	Tô Thị Ngọc Viên	08/11/2004	CCQ2226D			7,0	5,0	5,8	
44	2122170498	Trần Phạm Quốc Việt	01/03/2004	CCQ2217M			3,3			
45	2122170350	Huỳnh Quang Vinh	30/12/2004	CCQ2217I			6,3	4,1	5,0	
46	2122170495	Nguyễn Đắc Tuấn Vũ	19/10/2004	CCQ2217M			9,8	6,7	7,9	
47	2122120335	Lê Ngọc Kiều Vy	07/12/2004	CCQ2212J			5,7	8,4	7,3	
48	2122190064	Nguyễn Lương Thanh Vy	03/10/2004	CCQ2219B			7,2	6,6	6,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

H: 04

D: 36

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

C.Thảo

Môn học: Anh văn 3 (22401637)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 40

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123260132	Nguyễn Phi Châu	12/11/2005	CCQ2326D		Chau	7,1	6,8	6,9	
2	2123260045	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/08/2005	CCQ2326B		Thùy Dương	6,9	4,1	5,2	
3	2123260134	Trần Mỹ Duyên	04/12/2005	CCQ2326D		My Duyên	6,8	5,7	6,1	
4	2123260061	Võ Thị Thúy Duyên	08/03/2005	CCQ2326B		Thúy Duyên	7,5	5,8	6,5	
5	2123260078	Thạch Hoa	06/01/2004	CCQ2326C		Hoa	8,8	7,7	7,7	
6	2123260167	Phạm Văn Hưng	30/05/2005	CCQ2326E			0,0			
7	2123260165	Nguyễn Thị Thu Hương	10/01/2005	CCQ2326E		H	8,5	7,8	8,1	
8	2123260024	Lê Thị Huỳnh	11/03/2005	CCQ2326A		Hyh	8,1	8,1	8,1	
9	2123260088	Lê Nguyễn Trung Kiên	22/05/2005	CCQ2326C			0,0			
10	2123260081	Trần Thị Lan	09/03/2005	CCQ2326C		Lan	8,6	8,8	8,7	
11	2123260144	Trần Thị Mỹ Linh	20/10/2004	CCQ2326E		Linh	6,0	4,5	5,1	
12	2123260155	Hà Thị Thanh Ngân	25/02/2004	CCQ2326E		Ngân	6,6	4,0	5,0	
13	2123260066	Tôn Thất Nguyên	24/01/2004	CCQ2326B		Ton	6,2	7,0	6,7	
14	2123260042	Tô Thị Ánh Nguyệt	06/10/2005	CCQ2326B		nguyet	5,7	4,6	5,0	
15	2123260122	Nông Thị Kim Nhân	21/07/2005	CCQ2326D		Nhi	8,7	8,7	8,7	
16	2123260053	Lê Văn Nhân	31/10/2005	CCQ2326B		lv	5,4	8,9	4,5	
17	2123260058	Lê Dương Ngọc Nhung	26/04/2005	CCQ2326B			0,0			
18	2123260159	Trần Bảo Phú	25/10/2005	CCQ2326E		Phu	6,7	8,3	7,7	
19	2123260019	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	24/06/2005	CCQ2326A			0,0			
20	2123260087	Phan Thị Như Quỳnh	06/10/2005	CCQ2326B		Quynh	6,8	1,4	3,6	
21	2123260043	Nguyễn Ngọc Sa	10/02/2005	CCQ2326B		Sa	6,8	2,6	4,3	
22	2123200668	Châu Ngọc Song	30/03/2005	CCQ2320G		Song	9,0	9,1	9,1	
23	2123260196	Lê Thị Cẩm Sương	27/11/2005	CCQ2326A			0,0			
24	2123260049	Trần Thị Thu Tâm	24/04/2005	CCQ2326B		Tam	5,7	4,5	5,0	
25	2121050044	Từ Tịnh Tâm	31/05/2003	CCQ2105B		Tam	5,7	8,0	7,1	
26	2123270163	Nguyễn Thị Minh Thư	27/07/2005	CCQ2327E		Tha	6,2	6,1	6,1	
27	2123260050	Nguyễn Thị Thương	26/07/2005	CCQ2326B		Thuy	8,1	7,6	7,8	
28	2123260005	Nguyễn Thị Kiều Thương	25/08/2005	CCQ2326A		Thuy	8,3	6,8	7,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401637)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 40.

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123260158	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	29/10/2005	CCQ2326E		Tiên	6,4	4,5	5,3	
30	2122270037	Huỳnh Thị Minh Tín	24/11/2004	CCQ2227B		Tín	5,4	5,7	5,6	
31	2123270150	Trần Trung Tín	01/06/2005	CCQ2327E		Tín	8,5	7,8	8,1	
32	2123260172	Nguyễn Ngọc Trâm	08/03/2005	CCQ2326E		Trâm	6,1	5,3	5,6	
33	2123260048	Nguyễn Thị Bích Trâm	05/05/2005	CCQ2326B		Trâm	7,8	5,9	6,7	
34	2121220010	Lý Mỹ Trân	16/07/2003	CCQ2122A		Trân	5,7	5,0	5,3	
35	2123260036	Huỳnh Thuỵ Thuỷ	27/08/2005	CCQ2326A			0,0			
36	2123260016	Nguyễn Thị Thu Trang	15/11/2005	CCQ2326A		Trang	5,7	2,2	3,6	
37	2121030027	Huỳnh Hữu Trọng	07/01/2003	CCQ2103A		Trọng	8,0	4,8	6,1	
38	2122170654	Lê Duy Trung	15/06/2004	CCQ2217Q			0,0			
39	2121030008	Nguyễn Văn Trung	05/06/2003	CCQ2103A		Trung	6,7	5,8	6,2	
40	2123260136	Nguyễn Thị Bích Truyền	25/07/2005	CCQ2326D		Truyền	6,7	8,6	7,8	
41	2123260095	Võ Thị Cẩm Tú	02/01/2005	CCQ2326C		Tú	7,0	6,0	6,4	
42	2123200620	Trần Hồ Anh Tuấn	15/01/2005	CCQ2320G		Tuấn	9,2	9,4	9,3	
43	2123260180	Phạm Thị Thu Tuyền	29/08/2005	CCQ2326E		Tuyền	6,5	8,8	7,9	
44	2123260153	Trần Thị Cẩm Vân	19/06/2005	CCQ2326B		Vân	5,7	6,0	5,9	
45	2123260063	Nguyễn Văn Văn	18/12/2004	CCQ2326B		Văn	5,7	6,1	5,9	
46	2123260011	Nguyễn Hoàng Tường Vy	22/04/2005	CCQ2326A		Vy	6,8	4,5	5,4	
47	2123260031	Dương Thị Kim Yến	27/06/2005	CCQ2326A		Yến	7,7	8,0	7,9	

11

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Hòa

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401631)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122110482	Đặng Nữ Kim Anh	20/07/2004	CCQ2211L		<i>[Signature]</i>	7,5	5,3	6,2	
2	2122030231	Trần Minh Bảo	09/05/2004	CCQ2203B		<i>[Signature]</i>	7,9	3,9	5,5	
3	2123120063	Lê Thị Kiều Diễm	15/10/2005	CCQ2312B		<i>[Signature]</i>	6,4	6,1	6,2	
4	2123050115	Trương Quốc Dũng	19/05/2005	CCQ2305C		<i>[Signature]</i>	6,6	8,9	8,0	
5	2123120126	Nguyễn Kiều Hân	28/07/2000	CCQ2312C		<i>[Signature]</i>	7,1	6,0	6,4	
6	2122120366	Trần Thị Hằng	27/10/2004	CCQ2220A		<i>[Signature]</i>	7,3	8,1	7,8	
7	2123120101	Lương Thị Bích Hạnh	20/09/2005	CCQ2312B		<i>[Signature]</i>	7,0	4,5	5,5	
8	2123120065	Lâm Thị Xuân Hiền	18/02/2005	CCQ2312B		<i>[Signature]</i>	7,1	4,6	5,6	
9	2122260015	Võ Thị Hồng Huệ	23/07/2004	CCQ2226A		<i>[Signature]</i>	8,0	4,6	6,0	
10	2123120095	Đỗ Thị Lan Hương	07/02/2005	CCQ2312B		<i>[Signature]</i>	7,7	8,0	7,9	
11	2121170549	Phan Gia Huy	31/01/2003	CCQ2117P		<i>[Signature]</i>	5,4	4,8	5,0	
12	2123120540	Trần Gia Huy	19/07/2005	CCQ2312A			0,0			
13	2123120077	Nguyễn Thị Trúc Khanh	07/02/2005	CCQ2312B		<i>[Signature]</i>	6,9	3,1	4,6	
14	2122170487	Phạm Gia Kiệt	01/01/2004	CCQ2217M		<i>[Signature]</i>	4,6	5,6	5,2	
15	2122110481	Nguyễn Văn Lai	04/10/2004	CCQ2211L		<i>[Signature]</i>	7,7	5,8	6,6	
16	2122170470	Nguyễn Phúc Lâm	22/11/2004	CCQ2217L		<i>[Signature]</i>	8,4	7,0	7,6	
17	2122210035	Trần Bảo Ly	09/12/2004	CCQ2221A		<i>[Signature]</i>	9,1	7,9	8,4	
18	2123120042	Nguyễn Thị Trà My	24/05/2005	CCQ2312A		<i>[Signature]</i>	8,8	8,7	8,7	
19	2122210034	Võ Nguyễn Thảo My	22/02/2004	CCQ2221A		<i>[Signature]</i>	8,5	8,4	8,4	
20	2123120018	Nguyễn Thị Kim Ngân	27/07/2005	CCQ2312A		<i>[Signature]</i>	5,8	4,7	5,1	
21	2123120510	Ngô Lê Bích Ngọc	18/06/2005	CCQ2312B		<i>[Signature]</i>	7,5	5,1	6,1	
22	2121260030	Trần Tùng Nguyên	13/11/2002	CCQ2126A			0,0			
23	2122170464	Lê Cao Nhân	02/02/2004	CCQ2217L		<i>[Signature]</i>	9,6	8,1	8,7	
24	2123120096	Lê Quang Nhân	31/05/2005	CCQ2312B		<i>[Signature]</i>	9,0	8,9	8,9	
25	2123120712	Võ Thị Mỹ Phấn	14/08/2005	CCQ2312B		<i>[Signature]</i>	5,2	2,9	3,8	
26	2123120008	Phan Văn Phú	25/03/2003	CCQ2312A		<i>[Signature]</i>	6,7	3,3	4,7	
27	2122200213	Nguyễn Trúc Quyền	21/08/2004	CCQ2220F		<i>[Signature]</i>	9,4	8,6	8,9	
28	2122030036	Phan Sơn	31/07/2004	CCQ2203B		<i>[Signature]</i>	8,3	5,0	6,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401631)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 48

Số bài thi: 1

Số tờ giấy thi: 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123120047	Đào Nhật Anh	Tân	13/06/2004	CCQ2312A	Đào	8,3	8,3	8,3	
30	2123120084	Trần Duy	Thắng	22/03/2003	CCQ2312B	Trần	7,2	7,2	7,2	
31	2123120228	Lương Gia Phước	Thành	04/12/2003	CCQ2312E	Lương	10,0	9,8	9,9	
32	2122200214	Nguyễn Thị	Thảo	23/07/2003	CCQ2220F	Nguyễn	8,8	8,6	8,7	
33	2122210045	Lữ Minh	Thi	26/09/2004	CCQ2221B	Lữ	8,0	7,7	7,8	
34	2123120009	Võ Minh	Thư	25/07/2005	CCQ2312A	Võ	9,1	4,6	6,4	
35	2123120028	Nguyễn Minh	Thuận	01/10/2003	CCQ2312A		0,0			
36	2123120083	Bùi Thị	Thủy	20/10/2003	CCQ2312B	Bùi	8,1	8,6	8,4	
37	2123120310	Lê Phan Thủy	Tiên	29/11/2004	CCQ2312F	Lê	8,5	8,8	8,7	
38	2122210077	Nguyễn Thùy	Trang	19/12/2004	CCQ2221E	Nguyễn	8,7	7,4	7,9	
39	2122210068	Lê Thị Tuyết	Trình	07/02/2004	CCQ2221E	Lê	7,5	6,8	7,1	
40	2123120058	Trần Thị Mai	Trình	02/07/2005	CCQ2312B	Trần	8,5	3,0	5,2	
41	2122170447	Đinh Quốc	Trung	12/11/2004	CCQ2217L	Đinh	8,8	5,6	6,9	
42	2123120013	Hà Thanh	Tú	15/11/2004	CCQ2312A	Hà	7,9	5,9	6,7	
43	2123120031	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	04/09/2005	CCQ2312A	Nguyễn	6,6	6,2	6,4	
44	2122200175	Phan Thị Thanh	Tuyền	12/08/2004	CCQ2220F	Phan	8,8	8,1	8,4	
45	2123120021	Thái Thị Thanh	Tuyền	17/06/2005	CCQ2312A	Thái	7,8	5,5	6,4	
46	2122210014	Đặng Thị	Tuyết	26/07/2004	CCQ2221E	Đặng	8,0	4,2	5,7	
47	2123120306	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	29/09/2003	CCQ2312F	Nguyễn	9,6	9,8	9,7	
48	2123120074	Trần Ngọc	Xuyến	11/10/2005	CCQ2312B	Trần	8,3	9,1	8,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

12

Môn học: Anh văn 3 (22401639)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 43

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật An	04/05/2005	CCQ2305D			0,0			
2	2122270159	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	26/08/2003	CCQ2227E			7,2	7,9	7,6	
3	2122050043	Đặng Quốc Cường	18/03/2004	CCQ2205B			6,6	6,1	6,3	
4	2123120351	Trần Tiến Đạt	04/06/2005	CCQ2312G			8,6	4,5	6,1	
5	2123050196	Hán Tấn Duy	26/03/2005	CCQ2305E			7,0	7,4	7,2	
6	2122170602	Nguyễn Văn Hùng Em	01/09/2004	CCQ2227E			8,4	4,1	5,8	
7	2122050012	Huỳnh Ngô Phước Hải	26/03/2004	CCQ2205A			0,1			
8	2123050139	Trần Đức Hải	01/06/2005	CCQ2305C			6,1	8,1	7,3	
9	2123050136	Nguyễn Văn Hiếu	12/03/2005	CCQ2305C			7,6	5,5	5,1	
10	2122170609	Phạm Minh Hiếu	18/05/2004	CCQ2217P			5,2	2,9	3,8	
11	2123050128	Trần Duy Hiếu	14/11/2005	CCQ2305C			8,4	5,0	6,4	
12	2123050186	Nguyễn Ngọc Hòa	23/10/2005	CCQ2305C			7,1	6,5	6,7	
13	2123050008	Nguyễn Thái Hòa	02/06/2005	CCQ2305A			8,4	7,1	7,6	
14	2122180119	Trương Minh Hòa	23/11/2004	CCQ2218D			9,5	5,1	6,9	
15	2123050099	Nguyễn Thanh Hùng	17/06/2003	CCQ2305C			7,7	4,3	5,7	
16	2122050139	Võ Văn Hùng	23/01/2004	CCQ2205C			7,1	5,5	6,1	
17	2123050057	Trần Phúc Hưng	18/08/2005	CCQ2305B			6,5	6,4	6,4	
18	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng Huy	15/09/2005	CCQ2305A			8,4	4,2	5,9	
19	2122170450	Trịnh Gia Huy	18/09/2004	CCQ2217L			6,4	6,5	6,5	
20	2122130060	Lê Ngọc Huyền	08/08/2004	CCQ2213B			8,7	7,6	8,0	
21	2123050190	Trần Hữu Nam Khánh	19/11/2005	CCQ2305D			7,2	3,7	5,1	
22	2122050086	Trần Đăng Khoa	01/01/2004	CCQ2205C			8,3	3,6	5,5	
23	2123050015	Đỗ Tuấn Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A			8,0	4,8	6,1	
24	2122170161	Trần Ngọc Liêm	11/09/2004	CCQ2217D			5,8	3,9	4,7	
25	2123050179	Thạch Hoàng Linh	12/10/2004	CCQ2305D			7,9	7,1	7,4	
26	2123040044	Hồ Văn Mạnh	02/03/2004	CCQ2304B			7,8	6,0	6,7	
27	2123050069	Bùi Đại Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B			0,0			
28	2123040007	Phạm Thành Phát	10/08/2005	CCQ2304A			8,1	6,0	6,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

12

Môn học: Anh văn 3 (22401639)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 43

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122050057	Lê Quang	03/08/2004	CCQ2205B		Phuong	7,4	6,3	6,7	
30	2122050056	Lê Thanh	24/11/2004	CCQ2205B		Thanh	6,4	5,6	5,9	
31	2123050032	Phạm Minh	03/03/2004	CCQ2305A		Minh	9,7	7,1	8,1	
32	2123040055	Hồ Phúc	09/01/2005	CCQ2304B		Phuc	9,0	4,9	6,5	
33	2123050107	Phạm Huỳnh	15/11/2005	CCQ2305C		Phuoc	7,2	7,1	7,1	
34	2123050158	Quảng Đại	19/10/2005	CCQ2305D		Sang	5,9	5,1	5,4	
35	2123050009	Nguyễn Thái	02/06/2005	CCQ2305A		Son	8,4	7,4	7,8	
36	2123040062	Cao Tấn	14/02/2005	CCQ2304B		Tan	6,9	8,5	7,9	
37	2123040058	Phạm Thành	10/08/2005	CCQ2304B		Thanh	8,2	6,5	7,2	
38	2123050090	Đỗ Nhật	19/04/2005	CCQ2305C		Tan	5,6	6,1	5,9	
39	2123050157	Trương Ngọc	04/09/2005	CCQ2305D		Thuy	8,7	7,3	7,9	
40	2123050191	Võ Triệu	01/05/2005	CCQ2305D		Triu	9,8	7,6	8,5	
41	2122050058	Đặng Minh	12/02/2004	CCQ2205B		Trang	6,0	5,0	5,4	
42	2123040068	Nguyễn Quang	08/04/2005	CCQ2304B		Quang	9,9	5,3	7,1	
43	2122180113	Tăng Văn	29/10/2004	CCQ2218D		Tan	8,0	4,3	5,8	
44	2123040057	Đỗ Anh	15/02/2005	CCQ2304B		Tuan	10,0	8,8	9,3	
45	2122130075	Trương Thị	03/04/2004	CCQ2212M			0,0			
46	2123050027	Nguyễn Triệu	28/11/2005	CCQ2305A		Triu	6,0	3,3	4,4	
47	2123040037	Phạm Chí	30/10/2005	CCQ2304B		Chi	9,6	7,5	8,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Châu

13

Đ: 39
H: 04

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401612)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 43

Số bài thi: 4

Số tờ giấy thi: 4

STT	MA SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122170372	Nguyễn Hoàng Ân	09/12/2004	CCQ2217J			8,2	7,3	7,7	
2	2122110294	Phạm Hoài Ân	20/11/2003	CCQ2211H			5,5	6,5	6,1	
3	2121030022	Đỗ Chí Bảo	21/05/2003	CCQ2103A			8,0	8,1	8,1	
4	2122220011	Ngô Duy Bảo	12/11/2004	CCQ2222A			8,8	7,7	8,1	
5	2122170366	Nguyễn Duy Bảo	17/02/2004	CCQ2217J			7,8	6,1	6,8	
6	2122040007	Võ Trường Chiến	19/11/2004	CCQ2204A			5,5	7,0	6,4	
7	2122120138	Trịnh Công Cường	29/04/2001	CCQ2212D			6,7	8,0	7,5	
8	2122130019	Võ K' Dâng	18/05/2003	CCQ2213A			7,8	7,0	7,3	
9	2121170147	Phạm Tuấn Đạt	01/11/2003	CCQ2117E			5,0	2,6	3,6	
10	2122270018	Phạm Việt Đạt	19/09/2004	CCQ2227A			5,0			
11	2122170384	Lưu Bình Đức	17/01/2004	CCQ2217J			6,7	4,4	5,3	
12	2122270011	Bùi Hoàng Dung	14/12/2004	CCQ2227A			6,7	8,0	7,5	
13	2122180005	Đoàn Tất Giáp	01/08/2004	CCQ2205C			7,3	4,0	5,3	
14	2122200002	Nguyễn Khánh Hiền	04/03/2003	CCQ2227A			6,8	6,4	6,6	
15	2122220024	Nguyễn Thị Thanh Hiền	18/03/2004	CCQ2222A			8,4	7,4	7,8	
16	2122120136	Trương Thị Ngọc Hiếu	28/10/2004	CCQ2212D			6,9	4,5	5,5	
17	2122120075	Lê Thị Minh Hòa	05/02/2004	CCQ2212C			6,8	4,5	5,4	
48	2122170224	Nguyễn Khánh Huy	19/09/2004	CCQ2217F			0,0	CT		
19	2122150903	Danh Trần Phi Khanh	29/10/2004	CCQ2222A			8,7	7,0	7,7	
20	2122180094	Phan Tư Khoa	05/06/2004	CCQ2218C			6,5	6,1	6,3	
21	2122120420	Vũ Ngọc Thanh Lan	12/08/2003	CCQ2212M			7,9	8,1	8,0	
22	2122120297	Nguyễn Hà Linh	13/04/2004	CCQ2212I			7,1	7,0	7,0	
23	2122220017	Đỗ Thành Linh	15/09/2004	CCQ2222A			7,9	5,3	6,3	
24	2122170242	Võ Hoài Nam	26/03/2004	CCQ2217F			7,7	4,4	5,7	
25	2122270024	Bùi Thị Thảo Nguyên	15/02/2004	CCQ2227A			6,8	3,2	4,6	
26	2122050136	Trần Khắc Nhân	24/03/2004	CCQ2205B			7,2	5,7	6,3	
27	2122170230	Trần Minh Nhật	24/04/2004	CCQ2217F			7,1	4,3	5,4	
28	2122110594	Dương Minh Phúc	03/08/2003	CCQ2211M			7,8	5,7	6,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Châu

13

Môn học: Anh văn 3 (22401612)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 43

Số bài thi: 43

Số tờ giấy thi: 43

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122170373	Lưu Hoài Phúc	10/09/2004	CCQ2217J		Phúc	7,5	6,8	7,1	
30	2122180071	Đoàn Anh Quân	08/10/2004	CCQ2218C		Quân	6,1	7,1	6,7	
31	2122130026	Nguyễn Thị Lệ Quyên	08/01/2004	CCQ2213A		Quyên	8,3	4,8	6,2	
32	2122170702	Bùi Minh Sang	28/10/2004	CCQ2217R		Sang	5,3	5,8	5,6	
33	2122170381	Châu Khánh Tân	19/04/2004	CCQ2217J			0,0	CT		
34	2122170483	Lê Nhật Tân	04/02/2004	CCQ2217L			0,0	CT		
35	2122220016	Nguyễn Ngọc Thạch	16/06/2001	CCQ2222A		Thạch	7,7	4,8	6,0	
36	2121110192	Nguyễn Ngọc Thái	08/06/2003	CCQ2111F			0,0	CT		
37	2122270028	Nguyễn Chí Thân	06/02/2004	CCQ2227A		Thân	7,1	6,0	6,4	
38	2122130007	Phan Lê Thoa	10/04/2004	CCQ2213A		Thoa	5,8	3,0	4,1	
39	2122220018	Nguyễn Phúc Hoàng Thông	26/09/2004	CCQ2222A		Thông	8,3	7,9	8,1	
40	2122170365	Phạm Minh Thông	15/07/2004	CCQ2217J		Thông	8,3	6,1	7,0	
41	2121190116	Nguyễn Thị Thu	01/01/2003	CCQ2119D		Thu	8,4	3,0	5,2	
42	2122110174	Hồ Trí Thúc	11/01/2004	CCQ2222A		Thúc	7,7	6,3	6,9	
43	2122170049	Mai Văn Tiên	14/05/2004	CCQ2217B		Tiên	5,8	6,1	6,0	
44	2122200136	Lưu Ngọc Thiên Trinh	18/12/2004	CCQ2220D		Trinh	8,6	5,2	6,6	
45	2120170103	Nguyễn Hữu Quang Trung	20/09/2002	CCQ2017C		Trung	6,1	6,3	6,2	
46	2122120562	Nguyễn Minh Tú	23/11/2004	CCQ2212O			0,0	CT		
47	2122220026	Trần Minh Tuấn	20/08/2004	CCQ2222A		Tuấn	9,0	7,0	7,8	
48	2122170454	Nguyễn Thanh Tùng	03/01/2004	CCQ2217L		Tùng	5,0	5,1	5,1	
49	2122270055	Bùi Kim Xuyên	23/10/2004	CCQ2227B		Xuyên	5,5	3,2	4,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 38
H: 8

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401623)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 46

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123300058	Nguyễn Hà Kim	19/09/2005	CCQ2330B			8,9	8,7	8,8	
2	2122030131	Lê Thành	29/07/2004	CCQ2203D			7,1	2,4	4,3	
3	2123300093	Phan Quốc	17/04/2005	CCQ2330C			6,9	5,6	6,1	
4	2123300072	Vũ Thành	29/06/2005	CCQ2330C			8,9	8,6	8,7	
5	2123300087	Lê Hồng Nhã	18/02/2005	CCQ2330C			8,0	7,0	7,4	
6	2123300091	Vũ Hồng	12/09/2005	CCQ2330C			7,3	9,4	8,6	
7	2121170346	Nguyễn	10/10/2003	CCQ2117J			6,9	5,4	6,0	
8	2123300079	Nguyễn Thị Thu	07/07/2005	CCQ2330C			7,4	7,6	7,5	
9	2122170466	Dương Trung	09/07/2004	CCQ2217L			6,4	2,0	3,8	
10	2122170572	Lê Minh	18/08/2004	CCQ2217O			6,9	2,8	4,4	
11	2123300092	Huỳnh Trần Ngọc	05/11/2005	CCQ2330C			6,9	7,7	7,4	
12	2123310046	Trần Ngọc	15/03/2004	CCQ2331B			0,1			
13	2123300084	Trần Ngọc Thanh	14/07/2005	CCQ2330C			7,3	7,7	7,5	
14	2123300075	Nguyễn Thị	09/04/2005	CCQ2330C			7,7	8,7	8,3	
15	2123300083	Hồ Xuân	28/03/2005	CCQ2330C			7,3	9,3	8,5	
16	2123300095	Trần Thị Thu	05/01/2005	CCQ2330C			7,7	5,5	6,4	
17	2121170452	Phạm Minh	23/01/2003	CCQ2117M			7,3	6,0	6,5	
18	2123300108	Lê Văn Tuấn	18/03/2005	CCQ2330C			7,0	2,0	4,0	
19	2123300097	Nguyễn Thị Phương	09/03/2005	CCQ2330C			6,6	7,9	7,4	
20	2123300027	Đặng Hoài Thiên	22/09/2004	CCQ2330A			8,7	8,4	8,5	
21	2122110298	Nguyễn Văn	30/09/2004	CCQ2211H			7,8	7,6	7,7	
22	2123300103	Võ Văn Bảo	27/11/2005	CCQ2330C			7,3	9,0	8,3	
23	2123300132	Nguyễn Trọng	10/09/2005	CCQ2330D			8,0	5,5	6,5	
24	2122170030	Lê Công	08/06/2004	CCQ2217A			6,0	4,1	4,9	
25	2121180049	Hà Thanh	10/11/2003	CCQ2118B			7,8	7,6	7,7	
26	2122170025	Lê Văn	20/10/2004	CCQ2217A			7,3	4,1	5,4	
27	2123310010	Nguyễn Thị Thanh	27/11/2005	CCQ2331A			6,9	3,9	5,1	
28	2123300090	Nguyễn Quốc	08/06/2005	CCQ2330C			6,9	5,8	6,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C.Linh

Cán bộ coi thi 1: *Ych* *NN Châu*
Cán bộ coi thi 2: *Ych* *Tân, H. Hương*
G.Viên chấm thi 1: *Ych* *NN Châu*
G.Viên chấm thi 2: *Ych* *Tân, H. Hương*

Môn học: Anh văn 3 (22401623)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 46.

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122170069	Huỳnh Thanh Phong	16/09/2004	CCQ2217B		<i>Phong</i>	6,1	8,2	7,4	
30	2122170707	Lê Hoàng Phương	30/01/2004	CCQ2217R		<i>Phy</i>	4,9	9,0	7,4	
31	2122030137	Phạm Lê Quân	08/11/2004	CCQ2203D			0,1			
32	2122270036	Võ Thị Kim Qui	17/12/2004	CCQ2227B		<i>Qui</i>	8,7	7,0	7,7	
33	2122110315	Nguyễn Vinh Sơn	28/02/1998	CCQ2211H		<i>G. Thi</i>	8,6	9,1	8,9	
34	2122170008	Huỳnh Văn Tài	10/12/2004	CCQ2217A		<i>Tài</i>	5,9	3,9	4,7	
35	2122170020	Nguyễn Thành Tâm	15/11/2004	CCQ2217A		<i>Tam</i>	7,1	5,5	6,1	
36	2122100026	Võ Ngọc Anh Thư	10/11/2004	CCQ2210A		<i>Thư</i>	7,8	3,0	4,9	
37	2123300074	Nguyễn Thị Minh Thuận	15/05/2005	CCQ2330C		<i>Thuân</i>	7,4	5,2	6,1	
38	2123300110	Huỳnh Thị Thủy Tiên	21/10/2005	CCQ2330D		<i>Thủy Tiên</i>	9,0	8,9	8,9	
39	2123300089	Võ Trần Kim Tiền	21/10/2005	CCQ2330C		<i>Tien</i>	7,5	6,1	6,7	
40	2122030108	Trần Quốc Toàn	28/01/2004	CCQ2203H		<i>Toàn</i>	5,6	3,8	4,5	
41	2122100015	Huỳnh Ngọc Trâm	14/10/2004	CCQ2210A		<i>Tram</i>	8,0	6,8	7,3	
42	2122170037	Phan Đan Trường	10/01/2004	CCQ2217A		<i>Trường</i>	4,8	8,4	7,0	
43	2121170528	Phạm Anh Tuấn	12/04/2003	CCQ2117P			5,2			
44	2122110310	Loan Thanh Tùng	16/12/2004	CCQ2211H		<i>G. Thi</i>	7,9	5,0	6,2	
45	2123300057	Châu Ngọc Nhã Uyên	14/11/2005	CCQ2330B		<i>Uyen</i>	8,7	9,6	9,2	
46	2123310016	Võ Thị Mỹ Vàng	17/03/2000	CCQ2331A		<i>Daun</i>	8,8	7,5	8,0	
47	2123310001	Huỳnh Hồ Thảo Vy	17/04/2005	CCQ2331A		<i>Vy</i>	6,8	3,9	5,1	
48	2123300088	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	18/10/2005	CCQ2330C		<i>Vy</i>	7,5	8,1	7,9	
49	2123300042	Trần Khả Vy	17/10/2005	CCQ2330B		<i>Vy</i>	8,4	8,9	8,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

15

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 46

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122120311	Lê Quý An	23/09/2004	CCQ2212J		<i>[Signature]</i>	7,3	3,5	5,0	
2	2122120057	Nguyễn Thị Trâm Anh	05/08/2004	CCQ2212B		<i>[Signature]</i>	6,7	8,3	7,7	
3	2122100024	Nguyễn Thị Mai Chi	15/12/2003	CCQ2210A		<i>[Signature]</i>	6,6	7,3	7,0	
4	2121170091	Lê Chí Cơ	03/03/2003	CCQ2117C		<i>[Signature]</i>	5,9	6,2	6,1	
5	2123220004	Huỳnh Thị Đạt	12/12/2005	CCQ2322A		<i>[Signature]</i>	5,5	5,9	5,7	
6	2121030142	Ngô Tiến Dũng	16/07/2003	CCQ2103C			0,0		0	
7	2122110202	Nguyễn Phước Dương	20/10/2004	CCQ2211F		<i>[Signature]</i>	6,2	5,8	6,0	
8	2121270057	Nguyễn Thị Hồng Duyên	22/04/2000	CCQ2127B		<i>[Signature]</i>	5,7	6,1	5,9	
9	2122120140	Huỳnh Thị Thùy Giang	06/07/2004	CCQ2212E		<i>[Signature]</i>	9,2	8,7	8,9	
10	2122030212	Ngô Văn Giáp	20/02/2004	CCQ2203D		<i>[Signature]</i>	8,3	6,6	7,3	
11	2122130099	Phan Hiếu Hân	15/01/2004	CCQ2213D		<i>[Signature]</i>	7,8	8,6	8,3	
12	2122120228	Phan Thanh Hậu	12/11/2004	CCQ2212G		<i>[Signature]</i>	7,3	4,8	5,8	
13	2121110033	Hoàng Văn Hùng	18/11/2003	CCQ2120F		<i>[Signature]</i>	5,4	3,0	4,0	
14	2122030243	Nguyễn Hưng	23/03/2004	CCQ2203D		<i>[Signature]</i>	5,4	4,7	5,0	
15	2122030107	Nguyễn Xuân Huy	15/03/2004	CCQ2203D		<i>[Signature]</i>	5,5	4,7	5,0	
16	2122110178	Nguyễn Hữu Kha	12/05/2004	CCQ2203B		<i>[Signature]</i>	6,0	8,5	7,5	
17	2122190066	Trần Tuấn Khanh	25/08/2004	CCQ2219B		<i>[Signature]</i>	8,1	9,1	8,7	
18	2121170458	Sơn Quốc Khánh	03/09/2002	CCQ2117N		<i>[Signature]</i>	8,1	7,7	7,9	
19	2122030161	Trần Gia Khiêm	20/01/2004	CCQ2203E		<i>[Signature]</i>	6,5	4,8	5,5	
20	2122120215	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	21/08/2004	CCQ2212G		<i>[Signature]</i>	6,1	4,3	5,0	
21	2122200149	Nguyễn Thị Mùi	27/06/2004	CCQ2220E		<i>[Signature]</i>	6,4	7,3	6,9	
22	2120170016	Trần Thiện Mỹ	15/08/2001	CCQ2017A			5,0			
23	2120050012	Hồ Nhật Nam	17/12/2002	CCQ2005A			0,0			
24	2122130067	Phan Thị Kim Ngân	18/12/2004	CCQ2213C		<i>[Signature]</i>	7,9	9,8	9,0	
25	2121030160	Nguyễn Tấn Trung Nguyên	17/04/2002	CCQ2103B		<i>[Signature]</i>	6,0	4,3	5,0	
26	2122100246	Lê Thị Bích Nhận	23/03/2004	CCQ2210H		<i>[Signature]</i>	9,6	8,7	9,1	
27	2122120077	Hoàng Ý Nhi	26/10/2004	CCQ2212C		<i>[Signature]</i>	8,3	7,2	7,6	
28	2122270040	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	26/12/2004	CCQ2227B		<i>[Signature]</i>	6,8	5,1	5,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

T. Hoàng

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 46

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122200033	Huỳnh Hữu Phong	15/03/2004	CCQ2220A			6,1	5,2	5,6	
30	2122060064	Nguyễn Tấn Phước	22/09/2004	CCQ2206B			6,3	4,3	5,1	
31	2122170667	Trần Quốc Quang	23/03/2004	CCQ2217Q			7,8	7,8	7,8	
32	2121170518	Ngô Quốc Qui	02/07/2003	CCQ2117O			5,5	6,9	6,3	
33	2122120017	Võ Như Quỳnh	06/09/2003	CCQ2212A			6,5	5,6	6,0	
34	2121120646	Hoàng Anh Tân	30/06/2003	CCQ2112K			6,0	6,5	6,3	
35	2122190011	Huỳnh Thị Thảo	20/09/2004	CCQ2219A			8,3	5,4	6,6	
36	2122260020	Lê Thị Thu Thảo	03/06/2004	CCQ2226A			7,5	7,9	7,7	
37	2122170031	Huỳnh Ngọc Thiên	22/08/2004	CCQ2217A			7,9	8,8	8,4	
38	2122170685	Huỳnh Phúc Thọ	20/06/2004	CCQ2217Q			7,9	7,8	7,8	
39	2122120292	Lê Huy Thông	27/02/2004	CCQ2212I			7,2	2,6	4,4	
40	2122170659	Nguyễn Quốc Thuận	15/10/2004	CCQ2217Q			6,1	4,3	5,0	
41	2122120128	Lê Thị Thúy	12/11/2003	CCQ2212D			7,5	5,0	6,0	
42	2122040044	Phạm Đức Tiến	30/01/2004	CCQ2204B			9,8	7,6	8,5	
43	2122100399	Đặng Thị Hương Trà	23/04/2004	CCQ2210K			9,1	4,0	6,0	
44	2122270012	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	21/02/2004	CCQ2227A			5,5			
45	2122260007	Lê Thị Quế Trâm	22/12/2004	CCQ2226A			7,3	8,1	7,8	
46	2122190023	Trần Thanh Trang	30/01/2004	CCQ2219A			8,9	6,7	7,6	
47	2122120122	Nguyễn Võ Khả Tú	19/11/2004	CCQ2212D			7,4	8,5	8,4	
48	2122200085	Lê Thanh Vương	11/01/2003	CCQ2220C			6,3	7,3	6,9	
49	2122120021	Nguyễn Thị Kiều Vy	04/04/2004	CCQ2212A			6,1	4,5	5,1	
50	2121050024	Hồ Thanh Xuân	25/01/2003	CCQ2105A			6,4	5,9	6,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

D: 41
H: 03

C. Hòa

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Let T. Thảo

Ng T. P. Linh

Let T. Thảo

Ng T. P. Linh

Môn học: Anh văn 3 (22401611)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 44

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123170213	Nguyễn Duy Anh	13/10/2005	CCQ2317G			7,9	8,7	8,4	
2	2123170371	Trần Quốc Anh	27/11/2005	CCQ2317K			7,8	7,4	7,6	
3	2123170565	Nguyễn Hoàng Hoài Bảo	29/10/2005	CCQ2317P		Bảo	8,1	6,4	7,1	
4	2123170229	Trần Quốc Bảo	30/11/2005	CCQ2317G		Bảo	9,3	9,1	9,2	
5	2123170380	Trần Hiếu Cẩm	28/06/2005	CCQ2317K			6,1	8,2	7,4	
6	2123170432	Đoàn Mạnh Cường	01/11/2005	CCQ2317M			5,3	6,5	6,0	
7	2123180113	Hoàng Tiến Đạt	11/05/2005	CCQ2318C			8,5	4,0	5,8	
8	2123170448	Nguyễn Huỳnh Đức	03/11/2003	CCQ2317M			8,8	7,9	8,3	
9	2123170459	Phạm Anh Đức	02/08/2005	CCQ2317M		Đức	8,1	6,4	7,1	
10	2123170419	Trần Tấn Đức	23/08/2005	CCQ2317L			7,5	6,4	6,8	
11	2123170635	Trương Hoàng Đức	22/06/2005	CCQ2317R			9,4	7,1	8,0	
12	2123170386	Hồ Minh Dương	29/06/2005	CCQ2317K			5,2	7,5	6,6	
13	2123170551	Võ Hoàng Hà	22/03/2005	CCQ2317P		Hà	5,2	8,5	7,2	
14	2123170573	Nguyễn Văn Hải	17/08/2004	CCQ2317Q			0,0			
15	2123170553	Vòng Nhật Hào	31/01/2004	CCQ2317P		Hào	6,5	8,5	7,7	
16	2121170126	Đỗ Trung Hiếu	10/05/2003	CCQ2117D		Huỳnh	7,1	6,5	6,7	
17	2123170556	Vũ Quý Hiếu	28/10/2005	CCQ2317P		Huỳnh	8,7	8,4	8,5	
18	2123300006	Phan Thị Thu Hương	01/11/2005	CCQ2330A		Huỳnh	5,3	3,5	4,2	
19	2123180104	Hoàng Quang Hưởng	06/04/2005	CCQ2318C			7,0	4,6	5,6	
20	2123170407	Đặng Nguyễn Hoàng Huy	13/09/2005	CCQ2317L		Huy	8,0	4,6	6,0	
21	2123170387	Nguyễn Ngọc Khải	11/01/2005	CCQ2317K			7,7	6,0	6,7	
22	2123170616	Thiên Vĩnh Khiêm	05/10/2004	CCQ2317R			0,0			
23	2123170352	Lê Nguyễn Anh Khoa	10/05/2005	CCQ2317K		Khoa	8,8	6,8	7,6	
24	2123170617	Nguyễn Trường Lộc	20/06/2005	CCQ2317R			6,8	7,2	7,0	
25	2123170237	Hà Phước Hoàng Long	21/10/2005	CCQ2317G			5,0	6,9	6,1	
26	2123170390	Huỳnh Lương Phước Luân	05/01/2005	CCQ2317L			9,2	8,0	8,5	
27	2121030034	Võ Văn Mãi	08/02/2003	CCQ2103A			9,6	8,5	8,9	
28	2123170545	Nguyễn Đặng Ngọc Mạnh	22/01/2005	CCQ2317P			5,1	2,0	3,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Anh văn 3 (22401611)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 44

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viễn chấm thi 1

G.Viễn chấm thi 2

C-Hoà

Le TT Tháo

Ng T. P. Linh

Le TT Tháo

Ng T. P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123170543	Kiều Thị Na	22/03/2005	CCQ2317P			7,2	2,0	4,1	
30	2123170642	Nguyễn Ngọc Hào	28/08/2005	CCQ2317R			9,0	7,3	8,0	
31	2123170590	Trần Khánh	12/11/2005	CCQ2317Q			8,7	6,5	7,4	
32	2123170389	Nguyễn Xuân	08/10/1998	CCQ2317L			7,6	6,9	7,2	
33	2123120524	Phạm Văn Hoàng	23/08/2003	CCQ2312G			0,0			
34	2123170541	Phạm Văn	12/11/2005	CCQ2317P			0,0			
35	2123170215	Lê Thị Phương	16/04/2005	CCQ2317G			8,4	7,9	8,1	
36	2123170354	Lê Thanh	09/12/2005	CCQ2317K			8,0	7,3	7,6	
37	2123170555	Nguyễn Hữu Minh	29/10/2002	CCQ2317P			9,9	9,5	9,7	
38	2123180082	Phạm Phan Minh	29/11/2003	CCQ2318C			7,3	4,8	5,8	
39	2123170394	Nguyễn Thanh	21/02/2005	CCQ2317L			5,9	5,5	5,7	
40	2123170367	Phan Ngọc Sơn	12/03/2005	CCQ2317K			8,1	3,5	5,3	
41	2123180102	Lê Tấn Tài	24/03/2005	CCQ2318C			7,5	4,6	5,8	
42	2123180093	Nguyễn Thành Tài	02/02/2005	CCQ2318C			9,3	4,4	6,4	
43	2123170374	Trần Văn Thái	05/02/2004	CCQ2317K			7,8	5,2	6,2	
44	2121170070	Nguyễn Hữu Thành	06/11/2003	CCQ2117B			0,0			
45	2123170397	Phạm Văn Thành	01/08/2005	CCQ2317L			7,8	8,1	8,0	
46	2123180089	Trần Văn Thương	02/05/2005	CCQ2318C			7,9	5,7	6,6	
47	2123170392	Trần Quốc Tiến	30/05/2005	CCQ2317L			5,0	7,1	6,3	
48	2123180101	Lê Lưu Tùng	02/06/2003	CCQ2318C			5,1	7,9	6,8	
49	2123170414	Lê Xuân Vinh	04/09/2005	CCQ2317L			7,8	7,4	7,6	
50	2121170118	Trần Quốc Vương	16/09/2003	CCQ2117D			5,3			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 43
H: 5

C.H.L

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401633)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 17...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Phạm Văn Mỹ

Ngô Hà Thanh Vân

Phạm Văn Mỹ

Ngô Hà Thanh Vân

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123120439	Nguyễn Lan	Anh	25/03/2005	CCQ2312H		8,3	7,0	7,5	
2	2123120361	Nguyễn Quốc	Anh	29/08/2005	CCQ2312G		9,1	8,2	8,6	
3	2123120384	Phan Tuấn	Anh	25/11/2005	CCQ2312G		0,0	0,0	0,0	
4	2122180096	Trần Quốc	Cường	23/05/2004	CCQ2218C		7,7	4,0	5,5	
5	2123120362	Đỗ Thị Thúy	Diễm	12/12/2005	CCQ2312G		7,7	3,8	5,4	
6	2123120412	Nguyễn Thị Thuý	Dung	23/02/2005	CCQ2312H		6,5	9,0	8,0	
7	2122190159	Lê Thanh	Duy	20/04/1996	CCQ2219C		7,2	8,5	5,0	
8	2122170627	Nguyễn Trọng	Duy	03/02/2004	CCQ2217P		6,8	8,5	4,8	HL
9	2123120395	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	23/06/2005	CCQ2312G		7,2	9,3	8,5	
10	2123120389	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10/02/2005	CCQ2312G		7,7	9,4	8,7	
11	2121030025	Nguyễn Văn	Hiếu	20/06/2003	CCQ2103A		7,7	7,1	7,3	
12	2123120427	Hoàng Thị	Hòa	09/10/2005	CCQ2312H		8,0	8,6	8,4	
13	2123120352	Vô Trần	Khang	23/02/2005	CCQ2312G		7,0	7,6	7,4	
14	2122170505	Huỳnh Anh	Khoa	13/02/2004	CCQ2217M		7,8	8,0	7,9	
15	2123120376	Nguyễn Hồng	Lam	22/10/2005	CCQ2312G		7,2	7,5	7,4	
16	2123120404	Thuận Nữ Lan	Linh	29/10/2005	CCQ2312H		6,5	8,5	4,7	HL
17	2122120468	Nguyễn Thị Kim	Loan	06/02/2004	CCQ2212N		8,0	4,5	5,9	
18	2123120424	Phạm Thành	Lộc	14/07/2003	CCQ2312H		8,5	7,0	7,6	
19	2123120438	Nguyễn Sỹ	Luân	06/07/2005	CCQ2312H		7,3	9,2	8,4	
20	2122100141	Nguyễn Thị Hồng	Ly	14/09/2003	CCQ2210D		7,0	5,5	6,1	
21	2123120394	Nguyễn Thị Trúc	Ly	29/10/2005	CCQ2312G		7,9	8,2	8,1	
22	2123120417	Trần Lê	My	12/12/2005	CCQ2312H		7,9	9,0	8,6	
23	2123120447	Trần Thị Như	Nguyễn	22/01/2004	CCQ2312H		8,2	9,0	8,7	
24	2123120374	Mai Yên	Nhi	08/03/2005	CCQ2312G		7,3	7,5	7,4	
25	2123120360	Nguyễn Thị Yên	Nhi	28/10/2005	CCQ2312G		6,6	0	2,6	HL
26	2123120450	Trần Lê	Nhi	13/09/2005	CCQ2312H		7,2	4,6	5,6	
27	2123120343	La Bích	Nhi	20/02/2005	CCQ2312G		6,9	8,1	7,6	
28	2122100207	Nguyễn Trinh	Nữ	14/04/2004	CCQ2210F		6,6	3,1	4,6	HL

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Anh văn 3 (22401633)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 48

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Phạm Văn Mai
Ngô Hà Thanh Vân
C. Hề
Phạm Văn Mai
Ngô Hà Thanh Vân

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122170209	Đỗ Đoàn Tiến Phát	20/08/2004	CCQ2217F		L	6,2	3,5	4,6	HL
30	2123120431	Bùi Đình Phúc	30/03/2005	CCQ2312H		P	6,7	5,1	5,7	
31	2123120390	Nguyễn Thị Mỹ Phúc	01/11/2005	CCQ2312G		M	7,8	6,0	6,7	
32	2122180127	Lê Quốc Phước	09/08/2004	CCQ2218D		P	7,2	5,4	6,1	
33	2123120570	Dương Hải Huyền Phương	20/10/2005	CCQ2312H		Phường	8,3	8,8	8,6	
34	2123120403	Trương Mai Phương	15/09/2005	CCQ2312G		Phu	6,8	5,0	5,7	
35	2123120393	Trần Thị Như Quỳnh	26/06/2005	CCQ2312G		Quynh	7,7	7,0	7,3	
36	2122170734	Phan Vũ Trường Sang	15/10/2004	CCQ2203C		S	7,9	6,3	6,9	
37	2122170501	Nguyễn Văn Sơn	25/10/2004	CCQ2217M		Son	7,1	7,9	7,6	
38	2123120349	Trần Tuấn Sơn	08/06/2003	CCQ2312G		Son	7,0	8,9	8,1	
39	2122180102	Nguyễn Đình Tài	15/02/2004	CCQ2218D		T	8,1	6,8	7,3	
40	2123120428	Lê Thị Minh Tâm	25/03/2005	CCQ2312H		Tam	8,6	8,0	8,2	
41	2123120418	Nguyễn Phương Thảo	20/08/2005	CCQ2312H		T	8,1	8,7	8,5	
42	2123120458	Nguyễn Thị Thu Thảo	23/11/2005	CCQ2312H		T	7,5	7,7	7,6	
43	2123120358	Dương Thị Bích Trâm	15/04/2005	CCQ2312G		T	8,0	8,9	8,5	
44	2123120446	Phạm Thị Trang	20/09/2002	CCQ2312H		Trang	8,0	7,9	7,9	
45	2123120382	Hồ Thị Thanh Trúc	07/12/2005	CCQ2312G		T	7,5	8,4	8,0	
46	2122170504	Trần Minh Trung	23/02/2004	CCQ2203G		T	7,3	4,5	5,6	
47	2122030194	Mai Nhật Trường	27/09/1999	CCQ2203H			0,0	CT		
48	2123120435	Lê Anh Tuấn	30/06/2004	CCQ2312H		T	6,0	6,0	6,0	
49	2123120347	Giang Thanh Vy	27/01/2003	CCQ2312G		Vy	8,4	8,2	8,3	
50	2123120460	Đoàn Thị Hồng Xoan	18/01/2004	CCQ2312H		Xoan	6,9	5,2	5,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

23

C. Văn

Môn học: Anh văn 3 (22401615)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 50

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Ng. T. P. Linh

Trần T. H. Hương

Ng. T. P. Linh

Trần T. H. Hương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122110092	Lâm Thái An	10/10/2004	CCQ2211C			7,0	1,9	3,9	
2	2122260062	Hoàng Thị Ngọc Ánh	15/03/2004	CCQ2226B			9,0	7,6	8,2	
3	2122140044	Phạm Văn Đăng	16/03/2004	CCQ2214B			3,1	7,2	5,6	
4	2122040023	Nguyễn Khánh Đạt	22/05/2004	CCQ2204A			5,1	4,4	4,7	
5	2123120657	Hà Thanh Duy	01/02/2002	CCQ2312K			7,0	6,4	6,6	
6	2123030216	Chau Sô	10/12/2004	CCQ2303F			7,9	7,4	7,6	
7	2122110265	Lê Huỳnh Đức	19/08/2004	CCQ2211G			6,1	3,9	4,8	
8	2122110279	Trang Sĩ	19/08/2004	CCQ2211G			7,5	6,6	7,0	
9	2122030049	Cao Nguyên	05/04/2004	CCQ2203B			9,0	8,1	8,5	
10	2122110473	Hồ Ngọc Hải	20/12/2004	CCQ2211L			8,7	7,4	7,9	
11	2122170628	Ngô Thành Hải	05/10/2004	CCQ2217P			8,7	8,4	8,5	
12	2122100085	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20/10/2004	CCQ2210C			8,1	7,0	7,4	
13	2122170108	Nguyễn Văn Hậu	18/02/2004	CCQ2217C			9,4	9,1	9,2	
14	2122170158	Phan Phạm Minh Hiếu	01/10/2004	CCQ2217D			8,8	6,7	7,5	
15	2122110081	Cao Thị Mỹ Hoài	05/03/2004	CCQ2211C			8,5	7,4	7,8	
16	2122030066	Nguyễn Công Hoàng	05/10/2004	CCQ2203B			6,1	0,0	2,4	
17	2122140049	Nguyễn Xuân	13/10/2004	CCQ2214B			5,9	6,2	6,1	
18	2122260108	Phạm Khánh	28/10/2004	CCQ2226D			7,6	7,2	7,4	
19	2122110104	Nguyễn Thị Ngọc Hương	16/10/2004	CCQ2211C			7,7	7,8	7,8	
20	2122260256	Phan Đức	21/12/2003	CCQ2226B			8,6	7,1	7,7	
21	2122260058	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	02/04/2004	CCQ2226B			8,7	4,7	6,3	
22	2122110243	Võ Phan Kha Hy	12/11/2003	CCQ2211G			8,3	7,6	7,9	
23	2122030038	Huỳnh Thái Khang	19/07/2004	CCQ2203B			9,4	8,2	8,7	
24	2122030048	Cao Nguyên	05/04/2004	CCQ2203B			8,9	8,4	8,6	
25	2122140004	Vân Công	16/09/2004	CCQ2214A			5,1	6,6	6,0	
26	2122260038	Hồ Ngọc Kim Liên	06/08/2004	CCQ2226B			9,0	7,9	8,3	
27	2122260146	Nguyễn Thị Phương Mai	16/09/2004	CCQ2226B			7,0	6,1	6,5	
28	2122120479	Nguyễn Thị Trà My	27/10/2004	CCQ2212B			7,8	7,8	7,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

23

C. Văn

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Ng. T. P. Linh Trần T. A. Hương Ng. T. P. Linh Trần T. A. Hương

Môn học: Anh văn 3 (22401615)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 50

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

↓

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122170436	Ngô Văn	Nam	10/10/2004	CCQ2217K	Ngô Văn	8,7	5,5	6,8	
30	2122100100	Phạm Gia	Ngân	19/05/2003	CCQ2210C	Phạm Gia	8,8	7,2	7,8	
31	2122110116	Đổng Thúy	Nghiêm	09/10/2004	CCQ2211C	Đổng Thúy	5,5	5,0	5,2	
32	2122170529	Lê Thái	Ngọc	05/07/2004	CCQ2217N	Lê Thái	8,4	4,5	6,1	
33	2122170532	Huỳnh Thái	Nguyễn	21/10/2004	CCQ2217N	Huỳnh Thái	7,7	7,9	7,8	
34	2122260021	Lương Thị Mỹ	Nguyễn	16/01/2004	CCQ2226A	Lương Thị Mỹ	8,9	4,8	6,4	
35	2122210018	Đoàn Hữu	Phước	25/05/2004	CCQ2221E	Đoàn Hữu	5,8	6,4	6,2	
36	2122170579	Lữ Nguyễn Minh	Quân	21/07/2004	CCQ2217O	Quân	8,0	8,0	8,0	
37	2122170643	Nguyễn Thành	Quốc	30/06/2004	CCQ2217P	Quốc	6,8	7,0	6,9	
38	2122170439	Trần Minh	Thắng	08/03/2004	CCQ2217K	Trần Minh	7,0	3,8	5,1	
39	2122270017	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/01/2004	CCQ2226A	Nguyễn Thị Thanh	6,5	5,5	5,9	
40	2122170538	Nguyễn Ngọc	Thịnh	24/10/2004	CCQ2217N	Nguyễn Ngọc	5,9	4,5	5,1	
41	2122260145	Đặng Thị Hồng	Tiên	23/04/2004	CCQ2226B	Đặng Thị Hồng	7,7	4,5	5,8	
42	2122260050	Nguyễn Thị Thùy	Trang	30/07/2004	CCQ2226B	Nguyễn Thị Thùy	7,5	5,1	6,1	
43	2122170210	Trần Minh	Trí	20/07/2004	CCQ2217F	Trần Minh	9,6	7,0	8,0	
44	2122120043	Nguyễn Lê Tuyết	Trình	07/11/2003	CCQ2212B	Nguyễn Lê Tuyết	7,2	7,5	7,4	
45	2122110250	Trần Nhật	Tú	28/09/2004	CCQ2211G	Trần Nhật	8,7	8,1	8,3	
46	2122110263	Nguyễn Thanh	Tuấn	14/05/2004	CCQ2211G	Tuấn	7,9	8,1	8,0	
47	2122110251	Nguyễn Trung	Tuấn	16/02/2004	CCQ2211G	Tuấn	7,5	7,9	7,9	
48	2122260059	Hà Hoàng Kim	Tuyền	09/08/2004	CCQ2226B	Hà Hoàng Kim	5,1	3,2	4,0	
49	2122040006	Huỳnh Anh	Vĩ	08/03/2004	CCQ2204A	Huỳnh Anh	7,9	4,8	6,0	
50	2122260026	Huỳnh Thị Thúy	Vy	12/02/2004	CCQ2226A	Huỳnh Thị Thúy	8,8	6,4	7,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Sương (24)

Đ: 40
H: 05

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401617)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 45

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123100023	Nguyễn Thị Phúc	An	14/09/2005	CCQ2310A		9,4	6,6	7,7	
2	2123100071	Nguyễn Thu	An	08/06/2005	CCQ2310B		8,3	6,6	7,3	
3	2123100043	Phạm Võ Thảo	An	14/05/2005	CCQ2310B	An	6,9	4,3	5,3	
4	2123130025	Điền Ngọc Vy	Anh	13/10/2005	CCQ2313A		7,5	7,0	7,2	
5	2122190008	Nguyễn Thị Vân	Anh	02/03/2004	CCQ2219A		8,6	8,1	8,3	
6	2123130026	Mai Thị Bích	Diệp	12/01/2005	CCQ2313A		5,3	2,0	3,3	
7	2123100003	Nguyễn Thùy	Dương	08/05/1999	CCQ2310A		8,9	9,0	9,0	
8	2123130036	Nguyễn Thùy	Dương	18/03/2005	CCQ2313B		7,3	4,4	5,6	
9	2123100055	Phan Gia	Hân	22/10/2005	CCQ2310B		7,5	5,7	6,4	
10	2122190026	Trần Thị Mỹ	Hân	30/11/2004	CCQ2219A		8,4	9,4	9,0	
11	2122120193	Nguyễn Nhật	Khải	23/03/2004	CCQ2212F		5,3	4,8	5,0	
12	2122120252	Trần Mạnh	Khuong	20/03/1998	CCQ2212H		6,3	5,4	5,8	
13	2123100039	Đỗ Trúc	Lan	22/02/2005	CCQ2310B		6,3	3,4	4,6	
14	2123130052	Lê Thị Hồng	Lan	06/02/2004	CCQ2313B	Lan	7,2	5,5	6,2	
15	2123100008	Trần Nhật	Linh	26/08/2003	CCQ2310A		0,0	CT	00	
16	2123130058	Bùi Nữ Thiên	Lý	27/05/2005	CCQ2313B		0,0	CT	00	
17	2123130002	Bùi Thị Xuân	Mai	23/02/2005	CCQ2313A		7,1	7,8	7,5	
18	2123130017	Hồ Thị Hồng	Ngọc	04/09/2005	CCQ2313A		8,1	8,7	8,5	
19	2123100009	Phạm Linh	Ngọc	21/03/2005	CCQ2310A		7,1	6,8	6,9	
20	2122120158	Đinh Nguyễn Tấn	Nhật	30/03/2004	CCQ2212E		7,3	4,4	5,6	
21	2123100070	Phạm Thị Kiều	Oanh	08/11/2005	CCQ2310B		8,2	8,7	8,5	
22	2122270039	Nguyễn Huỳnh	Phương	23/09/2004	CCQ2227B		4,5	5,4	5,0	
23	2123100045	Nguyễn Mai	Phương	23/07/2005	CCQ2310B		7,2	6,9	7,0	
24	2123100001	Bùi Thị Mỹ	Quê	20/11/1998	CCQ2310A		9,1	7,6	8,2	
25	2123260002	Nguyễn Hoàn	Son	16/10/2003	CCQ2310A		8,1	7,2	7,6	
26	2123100010	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	24/05/2005	CCQ2310A		8,3	6,1	7,0	
27	2123100022	Phan Đặng Thanh	Thảo	26/02/2005	CCQ2310A		9,5	9,0	9,2	
28	2122270003	Đặng Thị Hồng	Thị	23/09/2003	CCQ2227A		6,5	5,1	5,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401617)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 45

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Thư	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123100223	Lê Thị Anh	Thư	13/03/2005	CCQ2310B		Thư	8,8	6,6	7,5	
30	2122190033	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	12/09/2004	CCQ2219A		Thư	7,8	9,7	8,9	
31	2123130060	Võ Thị Anh	Thư	02/11/2005	CCQ2313B		Thư	7,4	8,4	8,0	
32	2123130044	Mai Hoài	Thương	20/11/1999	CCQ2313B		Thương	9,1	9,1	9,1	
33	2123100021	Nguyễn Thị Bích	Thương	14/06/2005	CCQ2310A		Thương	5,4	5,3	5,3	
34	2123130007	Lê Nguyễn Mai	Thuy	14/06/2005	CCQ2313A		Thuy	7,2	6,1	6,5	
35	2123100054	Nguyễn Thị Hồng	Thuy	29/06/2005	CCQ2310B		Thuy	6,3	3,7	4,7	
36	2123100036	Trần Như Thanh	Thuy	14/11/2005	CCQ2310B		Thuy	8,2	5,5	6,6	
37	2123100060	Nguyễn Đặng Thu	Thủy	26/10/2005	CCQ2310B		Thủy	7,3	5,5	6,2	
38	2122270033	Phùng Thị	Thủy	24/05/2004	CCQ2227A			0,0	CT	00	
39	2123100058	Võ Ngọc	Tôn	16/12/1999	CCQ2310B		Tôn	9,0	8,5	8,7	
40	2123100050	Hồ Thị Huế	Trân	15/09/2005	CCQ2310B		Trân	8,9	6,3	7,3	
41	2122220007	Bùi Thị Tú	Trình	09/02/2004	CCQ2222A		Trình	6,6	5,9	6,2	
42	2123130043	Nguyễn Vũ Kiều	Trình	19/07/2005	CCQ2313B			0,0	CT	00	
43	2123100236	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15/03/2005	CCQ2310B		Trúc	8,6	7,7	7,9	
44	2123100061	Nguyễn Ánh	Tuyết	21/08/2004	CCQ2310B		Tuyết	9,3	7,8	8,4	
45	2123130005	Lê Hà Thuý	Vi	22/06/2005	CCQ2313A		Vi	6,2	3,7	4,7	
46	2123130047	Lê Thị Yến	Vi	14/09/2005	CCQ2313B		Vi	4,8	4,9	4,9	
47	2123100006	Phạm Đình Thanh	Vy	02/12/2004	CCQ2310A		Vy	8,5	6,7	7,4	
48	2123100062	Trần Ngọc Yến	Vy	16/01/2004	CCQ2310B		Vy	9,5	8,6	9,0	
49	2123100019	Nguyễn Ngọc Như	Ý	11/04/2005	CCQ2310A		Ý	7,4	4,2	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C.Châu

Đ: 45
H: 04

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401602)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 49

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110482	Phạm Ngọc An	07/03/2005	CCQ2311M		An	6,8	4,9	5,7	
2	2123110499	Lê Võ Thiên Ân	02/04/2005	CCQ2311M		Ân	8,6	7,4	7,9	
3	2123110496	Nguyễn Thị Trâm Anh	27/08/2005	CCQ2311M		Anh	8,1	8,3	8,2	
4	2123110135	Phạm Đức Anh	22/03/2005	CCQ2311D		Anh	8,1	4,8	6,1	
5	2123110491	Nguyễn Quốc Bảo	16/08/2005	CCQ2311M		Bảo	5,6	3,7	4,5	
6	2123110487	Phùng Đàm Duy Bảo	31/03/2005	CCQ2311C		Bảo	6,1	4,9	5,4	
7	2123110489	Võ Ngọc Bảo	01/06/2005	CCQ2311M		Bảo	9,3	7,6	8,3	
8	2123110134	Nguyễn Thành Công	21/02/2005	CCQ2311D		Con	5,8	4,4	5,0	
9	2123110484	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/07/2005	CCQ2311M		Dung	7,6	7,7	7,7	
10	2123110139	Lưu Công Tuấn Em	16/01/2005	CCQ2311D		Em	8,1	4,3	5,8	
11	2123110317	Nguyễn Dư Gia Hân	03/11/2004	CCQ2311I		Hân	7,5	5,1	6,1	
12	2123110043	Bùi Quang Hào	25/11/2005	CCQ2311B		Hào	8,0	3,4	5,2	
13	2121030039	Nguyễn Văn Hiếu	20/10/2003	CCQ2103B		Hiếu	7,4	7,0	7,2	
14	2123110125	Lê Thanh Hồ	30/07/2005	CCQ2311D		Thanh	6,6	8,0	7,4	
15	2123110122	Nguyễn Minh Hoàng	02/06/2004	CCQ2311D		Hoàng	8,1	3,6	5,4	
16	2123110111	Thạch Ngọc Minh Hoàng	06/12/2005	CCQ2311D		Minh	7,5	8,0	7,8	
17	2121030037	Lê Văn Hưng	19/10/2003	CCQ2103B		Hưng	6,5	0	2,6	
18	2123110220	Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	25/09/2005	CCQ2311G		Khôi	0,0	CT		
19	2123110502	Phạm Nguyễn Nhân Kiệt	08/01/2005	CCQ2311M		Kiệt	8,5	5,0	6,4	
20	2123110017	Mai Xuân Lộc	18/10/2005	CCQ2311A		Lộc	7,4	3,4	5,0	
21	2123110504	Hồ Mậu Hoàng Long	06/10/2005	CCQ2311D		Long	9,2	7,6	8,2	
22	2122180082	Văn Thành Long	10/12/2004	CCQ2218C		Long	7,9	4,8	6,0	
23	2121110246	Trần Văn Lý	20/01/2003	CCQ2111H		Lý	6,9	4,7	5,6	
24	2123110503	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	03/12/2005	CCQ2311D		Ngân	9,2	7,5	8,2	
25	2121270064	Phạm Thị Kim Ngân	20/03/2003	CCQ2127B		Ngân	6,7	8,2	7,6	
26	2123110308	Lê Trần Chính Nguyên	08/12/2005	CCQ2311I		Nguyên	9,0	7,6	8,2	
27	2123110314	Hồ Thị Bích Nhung	26/03/2005	CCQ2311I		Nhung	7,0	4,8	5,7	
28	2123110012	Trần Thị Hồng Nhung	08/09/1999	CCQ2311A		Nhung	8,8	8,7	8,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

(25)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401602)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 49

Số bài thi: 1

Số tờ giấy thi: 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123110118	Lê Quang Phúc	18/09/2005	CCQ2311D		Phúc	8,8	7,2	7,8	
30	2123110010	Võ Hồng Phúc	21/06/2001	CCQ2311A		Phúc	8,4	8,2	8,3	
31	2120190081	Nguyễn Hữu Phước	21/06/2001	CCQ2019C		Phước	6,2	4,8	5,4	
32	2121110282	Võ Nhật Quang	19/09/2003	CCQ2112R		Quang	6,3	6,4	6,4	
33	2123110042	Trần Thị Kim Quý	11/12/2005	CCQ2311B		Kim Quý	9,3	9,0	9,1	
34	2123110473	Bùi Thanh Tài	07/08/2005	CCQ2311B		Tài	8,5	9,4	9,0	
35	2123110104	Nguyễn Hoài Tâm	02/01/2005	CCQ2311C		Tâm	8,9	8,3	8,5	
36	2123110488	Hoàng Ngọc Thế	18/09/2005	CCQ2311M		Thế	8,5	8,3	8,4	
37	2123110085	Nguyễn Tấn Thịnh	05/10/2005	CCQ2311C		Thịnh	8,9	8,2	8,5	
38	2123110319	Nguyễn Minh Thư	07/08/2005	CCQ2311I		Thư	6,8	4,4	5,4	
39	2123110120	Nguyễn Ngọc Huỳnh Trâm	26/04/2005	CCQ2311D		Trâm	8,5	7,0	7,6	
40	2123110130	Lê Nguyễn Thuý Trang	28/04/2005	CCQ2311D		Trang	8,4	8,0	8,2	
41	2123110324	Trịnh Thị Thuý Trang	17/01/2005	CCQ2311I		Trang	5,2	4,4	4,7	
42	2123110302	Ngô Minh Trí	08/05/2005	CCQ2311I		Trí	9,1	8,0	8,4	
43	2123110137	Trương Minh Trí	30/09/2005	CCQ2311D		Trí	8,4	5,7	6,8	
44	2121180029	Nguyễn Minh Trọng	09/10/2003	CCQ2118A		Trọng	6,5	4,4	5,2	
45	2123110119	Nguyễn Thị Thanh Trúc	05/03/2005	CCQ2311D		Trúc	8,4	7,7	8,0	
46	2123110098	Nguyễn Quang Trường	13/10/2005	CCQ2311C		Trường	8,9	8,0	8,4	
47	2121170486	Nguyễn Văn Túc	24/11/2003	CCQ2117N		Túc	6,6	0	2,6	
48	2123150001	Đoàn Thanh Tùng	20/06/2001	CCQ2311M		Tùng	6,6	4,4	5,3	
49	2123110498	Lê Thế Vinh	15/09/2005	CCQ2311M		Vinh	8,5	4,6	6,2	
50	2123110511	Đoàn Như Ý	17/06/2005	CCQ2311M		Ý	7,4	3,8	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 48

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122100267	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	11/10/2004	CCQ2210H		A	7,3	5,5	6,2	
2	2122200208	Phan Nguyễn Hữu Cẩm	21/05/2004	CCQ2220E		Cẩm	9,2	4,3	6,3	
3	2122110444	Ngô Ngọc Thanh Đô	12/01/2004	CCQ2211D		Đô	7,8	4,3	5,7	
4	2122120037	Nguyễn Ngọc Tâm Đoan	19/12/2003	CCQ2212A		Đoan	2,3			
5	2122110512	Trần Văn Đức	29/02/2004	CCQ2211L		Đức	6,5	2,5	4,1	
6	2122110443	Nguyễn Quốc Dương	02/02/2003	CCQ2211D		Dương	6,5	6,3	6,4	
7	2122170715	Ngô Văn Trường Duy	30/03/2004	CCQ2226B		Duy	6,9	5,1	5,8	
8	2121050057	Hòa Ngọc Hải	22/02/2002	CCQ2105B		Hải	6,5	3,5	4,7	
9	2122110022	Lê Văn Hải	22/11/2004	CCQ2211A		Hải	8,8	7,8	8,2	
10	2122110142	Hà Thị Ngọc Hân	15/11/2004	CCQ2211D		Hân	9,1	8,2	8,6	
11	2122120589	Đào Nhật Hào	03/01/2004	CCQ2212P		Hào	6,6	2,6		
12	2122030168	Trần Chí Hào	09/05/2004	CCQ2203E		Hào	8,9	7,5	8,1	
13	2122030043	Nguyễn Minh Hiếu	10/07/2004	CCQ2203B		Hiếu	8,3	8,2	8,2	
14	2122110571	Võ Bá Hoài	05/08/2004	CCQ2211N		Hoài	9,2	9,1	9,1	
15	2122170653	Nguyễn Xuân Huy	27/11/2004	CCQ2217Q		Huy	8,8	8,5	8,6	
16	2122110349	Trần La Đức Huy	03/05/2004	CCQ2211G		Huy	7,2	2,1	4,1	
17	2122030017	Lê Nhật Kha	20/01/2004	CCQ2203A		Kha	8,3	6,1	7,0	
18	2122110085	Nguyễn Đăng Khoa	15/09/2004	CCQ2211C		Khoa	8,4	4,8	6,2	
19	2122200187	Bùi Thị Thùy Linh	09/09/2004	CCQ2220F		Linh	8,9	7,1	7,8	
20	2122200220	Lê Thị Thùy Linh	05/11/2004	CCQ2220F		Linh	9,1	8,7	8,9	
21	2122110479	Nguyễn Thái Duy Luân	30/05/2004	CCQ2211L		Luân	7,2	4,5	5,6	
22	2122190027	Nguyễn Xuân Mai	04/01/2004	CCQ2219A		Mai	9,5	8,9	9,1	
23	2122030058	Lê Minh	18/06/2004	CCQ2203B		Minh	8,2	2,4	4,7	
24	2122170500	Trần Văn Minh	09/02/2004	CCQ2217M		Minh	6,1	5,4	5,7	
25	2122120405	Nguyễn Hoài Mộng	27/04/2004	CCQ2212L		Mộng	8,5	7,5	7,9	
26	2122260060	Nguyễn Thị Kiều My	05/04/2004	CCQ2226B		My	7,5	3,8	5,3	
27	2122100196	Lê Thị Thu Nam	06/10/2004	CCQ2210F		Nam	7,8	0,5	3,4	
28	2122120521	Đặng Ngọc Bảo Nghi	03/12/2002	CCQ2212O		Nghi	8,8	5,8	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:48..

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122120070	Trần Nguyễn Bảo Nghi	13/09/2004	CCQ2212B			7,1	4,3	5,4	
30	2122190006	Trần Thị Thúy Ngọc	05/03/2004	CCQ2219A			9,8	8,5	9,0	
31	2122110405	Ngô Kỳ Nguyên	17/01/2004	CCQ2211K			8,7	7,5	8,0	
32	2122100311	Hồ Ngọc Nhi	27/01/2004	CCQ2220G			5,1	4,1	4,5	
33	2122200161	Hoàng Đình Thảo Như	26/09/2004	CCQ2220E			0,9			
34	2122120273	Nguyễn Vương Quỳnh Như	20/09/2004	CCQ2212I			4,5	3,3	3,8	
35	2122100206	Trần Thị Huỳnh Như	26/05/2004	CCQ2210F			6,7	3,1	4,5	
36	2122120325	Trần Đức Sơn	20/04/2004	CCQ2212J			6,5	5,5	5,9	
37	2122120456	Lê Tài Tâm	01/07/2004	CCQ2212N			9,4	8,6	8,9	
38	2122140038	Lê Nhật Thắng	09/07/2003	CCQ2214B			9,1	8,5	8,7	
39	2122120201	Lê Nhật Thành	11/09/2004	CCQ2212F			8,2	7,9	8,0	
40	2122030133	Lê Nhật Thiên	25/12/2004	CCQ2203H			7,0	2,7	4,0	
41	2122100197	Nguyễn Thị Lệ Thu	04/09/2004	CCQ2210F			8,6	6,7	7,5	
42	2122260036	Lê Thị Kim Tiên	07/09/2004	CCQ2226B			8,5	8,2	8,3	
43	2122260035	Trần Thị Tĩnh	16/10/2004	CCQ2226B			8,6	8,4	8,5	
44	2122120281	Phạm Thùy Trang	10/10/2004	CCQ2212I			8,3	5,4	6,6	
45	2122120402	Nguyễn Ngọc Triệu	29/04/2004	CCQ2212L			8,0	4,9	6,1	
46	2122140016	Lê Quốc Trung	17/02/2004	CCQ2214A			8,3	7,0	7,5	
47	2122190028	Phạm Thị Hải Vân	02/03/2004	CCQ2219A			9,6	8,6	9,0	
48	2122110084	Phan Văn Việt	14/12/2004	CCQ2211C			8,8	6,8	7,6	
49	2123100228	Lê Yến Vy	05/06/2005	CCQ2310G			7,6	3,0	5,4	
50	2122120368	Trương Huỳnh Ái Vy	14/07/2004	CCQ2212K			9,3	7,7	8,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

27

Đ: 47
H: 01

Môn học: Anh văn 3 (22401619)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 48.

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122110128	Trần Gia Bảo	09/11/2004	CCQ2211D		<i>Be</i>	7,7	8,2	8,0	
2	2122270140	Ngô Thị Kim Cúc	26/02/2003	CCQ2227A		<i>Gui</i>	6,7	6,2	6,4	
3	2123100174	Thạch Thị Trúc Đào	20/10/2005	CCQ2310E		<i>Đào</i>	7,2	9,1	8,3	
4	2123100188	Đỗ Thị Doanh	12/01/2005	CCQ2310F		<i>Doanh</i>	7,9	6,0	6,8	
5	2122260101	Phạm Minh Đức	01/05/2002	CCQ2226D		<i>Đức</i>	8,9	8,0	8,4	
6	2121170115	Nguyễn Xuân Hải Dương	28/02/2003	CCQ2117D		<i>Dương</i>	8,0	5,9	6,7	
7	2122110164	Nguyễn Hoàng Duy	08/06/2004	CCQ2211E		<i>Duy</i>	8,9	9,0	9,0	
8	2123100170	Đinh Thị Hiền	10/11/2004	CCQ2310E		<i>Hiền</i>	8,5	8,8	8,7	
9	2123100166	Trần Thị Kim Hiếu	31/07/2005	CCQ2310E		<i>Huỳnh</i>	8,5	4,9	6,3	
10	2121210116	Nguyễn Lê Duy Hưng	13/06/1998	CCQ2121C		<i>Hưng</i>	8,3	5,7	6,7	
11	2123100211	Tăng Hoài Hưng	17/01/2005	CCQ2310F		<i>Hưng</i>	8,0	5,9	6,7	
12	2123100191	Hàm Thị Bích Hương	18/04/2005	CCQ2310F		<i>Hương</i>	8,0	3,0	5,0	
13	2123100210	Ngô Thị Mỹ Huyền	15/10/2005	CCQ2310F		<i>Huyền</i>	8,0	7,5	7,7	
14	2123100202	Trần Đình Kiên	08/07/1999	CCQ2310F		<i>Kiên</i>	7,8	7,2	7,4	
15	2123100157	Phan Thị Thuý Linh	28/07/2005	CCQ2310E		<i>Linh</i>	7,8	5,3	6,3	
16	2123100189	Lê Ngọc Trà My	02/03/2005	CCQ2310F		<i>My</i>	7,4	3,6	5,1	
17	2123100205	Phạm Thị Nhật My	01/02/2005	CCQ2310F		<i>My</i>	8,7	6,8	7,6	
18	2122270048	Nguyễn Thanh Ngân	11/09/2004	CCQ2227B		<i>Ngân</i>	8,1	7,5	7,7	
19	2123100175	Dương Thị Hồng Nhã	19/11/2003	CCQ2310E		<i>Nhã</i>	9,2	9,1	9,1	
20	2122120447	Huỳnh Ngọc Nhi	29/07/2004	CCQ2212M		<i>Nhi</i>	7,9	6,0	6,8	
21	2123100150	Nguyễn Thị Yến Nhi	03/11/2005	CCQ2310E		<i>Nhi</i>	7,5	4,5	5,7	
22	2123100153	Phan Võ Quỳnh Như	18/05/2005	CCQ2310E		<i>Như</i>	8,6	8,0	8,2	
23	2123100154	Ngô Thị Mỹ Nhung	02/04/2005	CCQ2310E		<i>Nhung</i>	8,6	7,8	8,1	
24	2122120510	Trương Nguyễn Phương	19/06/2004	CCQ2212M		<i>Phương</i>	8,8	8,6	8,7	
25	2123220082	Đinh Tùng Quang	11/11/2005	CCQ2322C		<i>Quang</i>	9,0	9,0	9,0	
26	2121170130	Trần Thành Quang	02/11/2003	CCQ2117D		<i>Quang</i>	7,7	7,1	7,3	
27	2121210095	Nguyễn Thị Bích Qui	02/05/2003	CCQ2121C		<i>Qui</i>	8,0	4,4	5,8	
28	2122030074	Trần Minh Quốc	15/09/2004	CCQ2203C		<i>Quốc</i>	8,1	6,1	6,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401619)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 48

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122260063	Trương Thị Ngọc	Quyên	07/09/2004	CCQ2226B		8,5	8,8	8,7	
30	2123100171	Đỗ Thị Như	Quỳnh	04/05/2005	CCQ2310E		8,3	6,2	7,0	
31	2123100215	Mai Xuân	Quỳnh	25/07/2005	CCQ2310F		0,0	CT		
32	2123100200	Hồ Thị Hồng	Thắm	10/11/2005	CCQ2310F		0,0	CT		
33	2122120541	Trang Thu	Thảo	02/06/2003	CCQ2212O	Có thi	8,1	7,0	8,5	8,8
34	2123100160	Trương Thị Hoài	Thu	17/04/2005	CCQ2310E	Có thi	8,3	7,0	8,0	7,8
35	2123100195	Huỳnh Thị	Thúy	24/10/2005	CCQ2310F		8,0	8,0	8,0	
36	2123100297	Nguyễn Thị Minh	Thùy	08/10/2005	CCQ2310E	Có thi	8,7	7,0	8,8	8,8
37	2122100132	Nguyễn Mai	Thy	11/09/2004	CCQ2227E		7,0	0,2	2,9	
38	2120130109	Nguyễn Minh	Tiến	21/11/2000	CCQ2019D	Có thi	8,9	7,1	6,6	
39	2122120416	Phạm Quốc	Toàn	03/12/2004	CCQ2212M		8,6	4,7	6,3	
40	2122030041	Phan Văn	Trang	02/02/2004	CCQ2203G		8,3	5,8	6,8	
41	2123100158	Trần Thị Thùy	Trang	14/06/2004	CCQ2310E	Trang	8,6	8,9	8,8	
42	2122030037	Nguyễn Ngọc	Trung	11/07/2003	CCQ2203G	Trung	6,7	5,1	5,7	
43	2122170606	Lê Văn	Trường	24/09/2004	CCQ2217P	Trường	8,2	8,0	8,1	
44	2123100196	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	18/05/2005	CCQ2310F	Uyên	7,9	5,4	6,4	
45	2123100214	Đặng Thị Thanh	Vân	18/06/2005	CCQ2310F		8,5	7,8	8,1	
46	2122030051	Phạm Văn	Việt	21/06/2004	CCQ2203G		7,6	5,8	6,5	
47	2123220088	Dương Trùng	Vương	06/02/2001	CCQ2322C		8,9	9,0	9,0	
48	2123100161	Lê Thị Tường	Vy	29/06/2005	CCQ2310E		8,8	9,3	9,1	
49	2122120314	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	17/12/2003	CCQ2212J		7,7	6,8	7,2	
50	2122260016	Nguyễn Thị Kim	Yến	07/07/2004	CCQ2226A		6,4	5,2	5,7	